



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

2  
0  
1  
9





## PHẦN MỞ ĐẦU

Danh mục từ viết tắt

Mục lục

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tầm nhìn, sứ mệnh của doanh nghiệp

## Danh mục từ viết tắt

BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHTN	Bao hiểm tai nạn
BKS	Ban Kiểm soát
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
Công ty	Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu
HĐQT	Hội đồng quản trị
BGD	Ban giám đốc
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TGD	Tổng Giám đốc

## MỤC LỤC

Thông điệp chủ tịch Hội đồng quản trị  
Tầm nhìn, sứ mệnh của công ty

### TỔNG QUAN CÔNG TY

Thông tin chung  
Quá trình hình thành và phát triển  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý  
Giới thiệu Ban lãnh đạo  
Định hướng phát triển

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Tổng quan kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019  
Tình hình đầu tư và tổ chức dự án  
Tổ chức và nhân sự  
Tình hình tài chính  
Cổ phần, cổ đông và cổ phiếu Á Châu

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá tổng quan kết quả kinh doanh 2019  
Phân tích kết quả kinh doanh 2019  
Tình hình tài chính  
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá chung về nền kinh tế và ngành  
Đánh giá mọi mặt hoạt động của Công ty  
Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc  
Kế hoạch năm 2020

### QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị  
Ban kiểm soát  
Giao dịch và thù lao của Hội đồng quản trị  
Ban kiểm soát, Ban Giám đốc

### PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững  
Chỉ tiêu phát triển bền vững

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng cân đối kế toán  
Báo cáo kết quả kinh doanh  
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
Bản thuyết minh báo cáo tài chính

## THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Kính gửi quý cổ đông!

Năm 2019 đã chứng kiến nhiều biến động đa dạng của nền kinh tế thế giới. Căng thẳng chiến tranh thương mại Mỹ – Trung, diễn biến giá dầu phức tạp cùng các vấn đề địa chính trị đã làm gia tăng tính bất ổn trong thương mại toàn cầu, ảnh hưởng không ít tới kinh tế các nước. Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ và nỗ lực của các ban ngành, vẫn giữ vững sự ổn định với nhiều con số biết nói như mức tăng trưởng GDP 7,02%, cao hơn mức đề ra từ 6,6% đến 6,8% trong khi chỉ số lạm phát chỉ ở mức 2,79% thấp nhất trong ba năm. Ngành khai khoáng cũng tăng trưởng nhẹ, dự báo vẫn còn nhiều dư địa phát triển, đặc biệt đối với những ngành mà khai thác và chế biến khoáng sản chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu.

Đối đầu với nhiều thách thức, Công ty đã luôn giữ thế chủ động nắm bắt tình hình, sẵn sàng đương đầu với những rủi ro của kinh tế trong và ngoài nước, có những chiến lược thực tế, kế hoạch kịp thời và linh hoạt để định hướng Công ty phát triển theo đúng kế hoạch dài hạn đã đề ra. Là doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu bột đá vôi trắng siêu mịn, với phương châm kinh doanh “CHẤT LƯỢNG THAY LỜI NÓI”, Công ty luôn không ngừng chú trọng phát huy có hiệu quả, chất lượng sản phẩm được duy trì tốt theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015, khẳng định được thương hiệu và uy tín đến khách hàng. Trong năm 2019, công ty đã vận hành tốt công việc khai thác ở hai mỏ đá, cùng việc ứng dụng dây chuyền sản xuất tự động trên công nghệ tiên tiến được lắp đặt bởi Hosokawa Alpine – CHLB Đức, đảm bảo đủ nguyên liệu đầu vào cho sản xuất với chất lượng cao.



Năm 2020 được dự báo sẽ là một năm đầy biến động phức tạp đối với kinh tế, khởi đầu với đại dịch Covid – 19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống xã hội và kinh tế toàn cầu. Hàng loạt lĩnh vực kinh tế từ hàng không, du lịch, dịch vụ cho đến sản xuất chế biến, xuất nhập khẩu đều bị ảnh hưởng trong những tháng đầu năm để ưu tiên công tác phòng tránh dịch bệnh. Nhu cầu thị trường giảm và giá nhiều mặt hàng tăng cao cùng với tâm lý bất ổn sẽ tác động sâu sắc đến nền kinh tế nói chung và ngành sản xuất bột đá nói riêng. Trước những áp lực từ ngoại cảnh, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra những chiến lược linh hoạt để khắc phục khó khăn, chủ động cạnh tranh trên thị trường, phục vụ tốt các nhu cầu từ đối tác khách hàng và cùng chung tay với xã hội đẩy lùi dịch bệnh nguy hại đối với cộng đồng. Khoáng sản Á Châu nói chung và ban điều hành nói riêng sẽ không ngừng phấn đấu để báo đáp sự tin tưởng mà quý Cổ đông đã dành cho chúng tôi.

Thay mặt hội đồng cổ đông, tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc tới Quý cổ đông, Quý cơ quan quản lý nhà nước, các Quý đối tác và sự tận tâm nỗ lực của toàn thể Ban giám đốc điều hành và toàn thể CBCNV toàn Công ty đã đoàn kết, đồng lòng để Khoáng Sản Á Châu có thể đạt được những kết quả khả quan trong những năm qua, tạo tiền đề để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm 2019, hướng tới năm 2020 và những năm tiếp theo có những thành công mới.

Hãy cùng chúng tôi đồng hành và vững bước trong tương lai, đạt được nhiều thành công mới!

Thay mặt HĐQT  
Chủ tịch HĐQT

## SỨ MỆNH

**Đối với Cổ đông và Nhà đầu tư:** Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp; Minh bạch thông tin, đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư, tăng cường cơ hội đối thoại với cổ đông; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, giá trị thị trường của cổ phiếu và giá trị doanh nghiệp.

**Đối với Khách hàng:** Cung cấp các sản phẩm chất lượng cao mang tính ổn định và lâu dài, lắng nghe và luôn củng cố năng lực kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

**Đối với đối tác kinh doanh:** Duy trì mối quan hệ lâu dài và bền vững với đối tác trên nguyên tắc tôn trọng lợi ích và quyền lợi của các bên, nhằm tạo ra những sản phẩm có lợi ích tốt nhất cho xã hội và các bên tham gia.

**Đối với Cộng đồng xã hội:** Hành động và luôn đồng hành cùng các hoạt động thiết thực với xã hội với mong muốn nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trẻ cho sự phát triển bền vững của đất nước.

**Đối với Nhân viên:** Những đóng góp của nhân viên được ghi nhận và trân trọng; Xây dựng môi trường làm việc tốt, tăng cường sự gắn kết của người lao động.



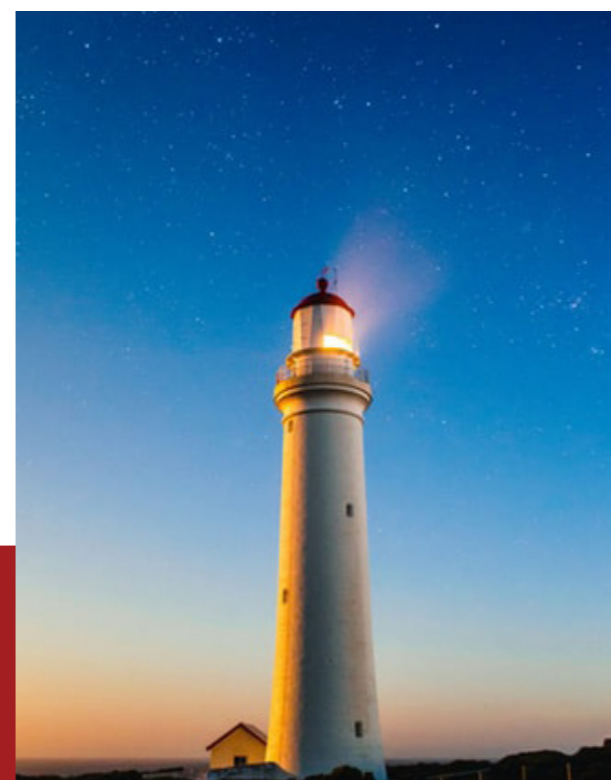
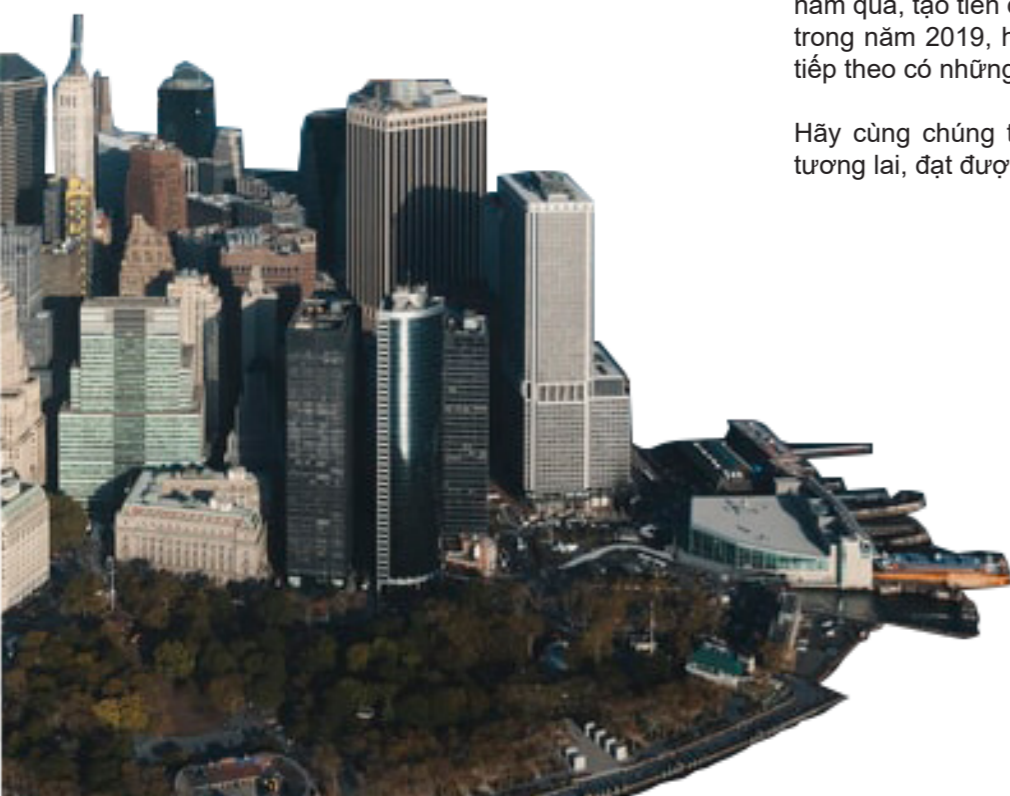
## TÂM NHÌN

Hơn một thập kỷ qua, các thế hệ cán bộ, nhân viên, lao động Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu đã không ngừng nỗ lực phấn đấu và phát triển doanh nghiệp, theo đuổi tầm nhìn xuyên suốt:

» Trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực khai thác, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu bột đá trắng siêu mịn.

» Tận dụng hết các lợi thế tài chính về mỏ đá trắng, mặt bằng kinh doanh, nhà xưởng và nguồn nhân lực hiện có.

» Hợp tác chặt chẽ với các Công ty kinh doanh cùng ngành.





## TỔNG QUAN CÔNG TY

Thông tin chung

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, bộ máy quản lý

Giới thiệu Ban lãnh đạo

Định hướng phát triển

## TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

<b>TÊN CÔNG TY</b>	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU		
<b>MÃ CHỨNG KHOÁN</b>	AMC		
<b>TRỤ SỞ CHÍNH</b>	Lô 32- Khu C- Khu công nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam		
<b>GIẤY PHÉP KINH DOANH</b>	2703001715 cấp ngày 28/12/2007 tại Sở Kế hoạch Nghệ An		
<b>VỐN ĐIỀU LỆ</b>	28.500.000.000 đồng		
<b>LIÊN HỆ</b>	Điện thoại +84 238 3791 777	Fax +84 238 379 555	Website <a href="http://www.amcvina.vn/">http://www.amcvina.vn/</a>



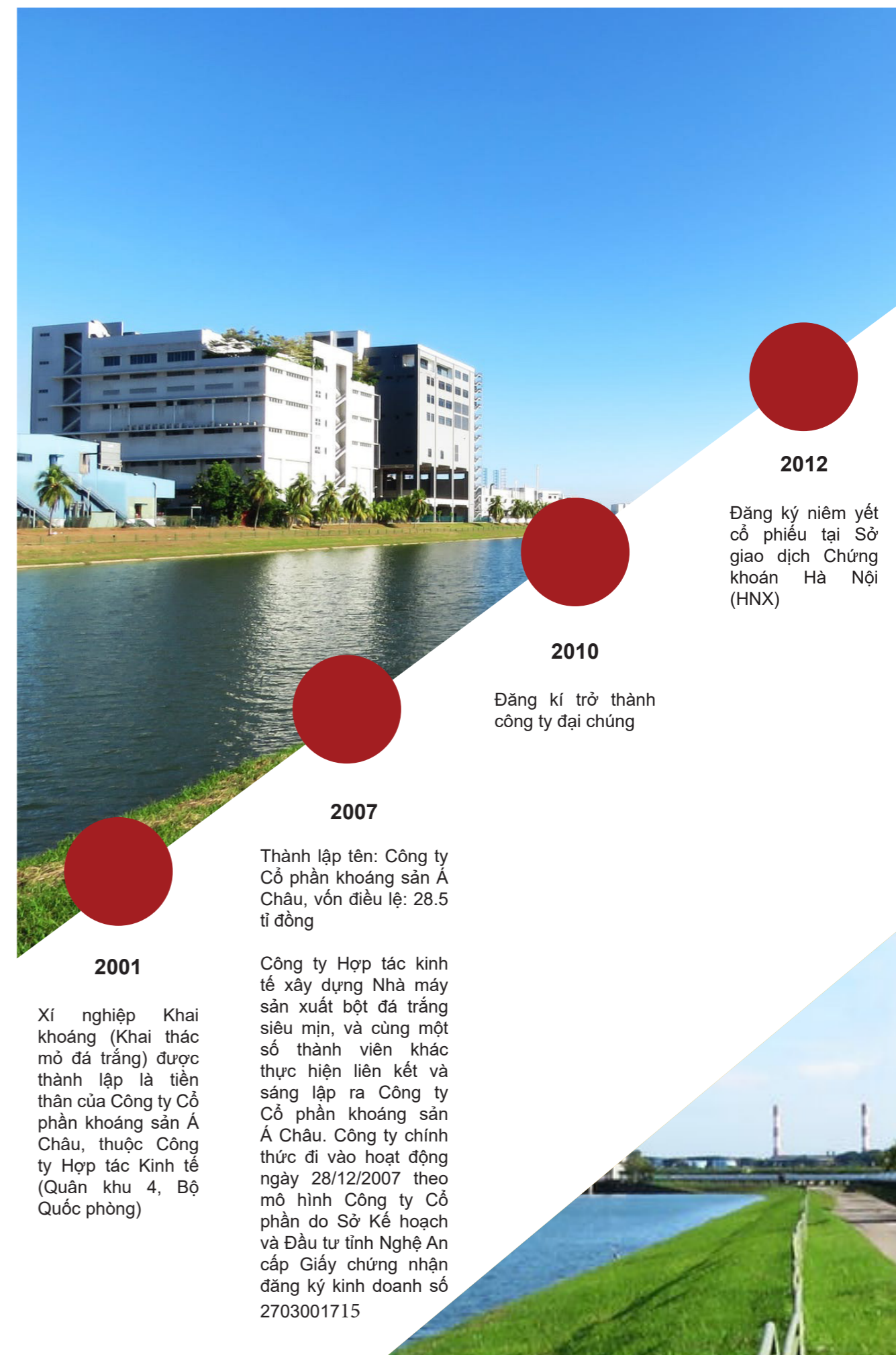
## ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hoạt động khai thác của Công ty diễn ra tại huyện Quỳnh Hợp - Nghệ An (là 01 trong 02 địa phương có trữ lượng đá hoa trắng lớn nhất nước), Công ty sở hữu 02 mỏ đá vôi trắng có chất lượng tốt nhất Việt Nam, với tổng diện tích hơn 45 hecta và trữ lượng hơn 30 triệu tấn. Trụ sở và nhà máy của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Nam Cẩm, cách cảng Cửa Lò chỉ 5km, thuận tiện và tiết giảm chi phí vận chuyển, gần nguồn khai thác nguyên liệu.

Thị trường kinh doanh của Công ty trong nước chủ yếu ở miền Bắc, miền Nam và miền Đông Nam Bộ. Thị trường này đem đến khoảng 70% doanh thu cho Công ty.

**Trong nước:** Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Nghệ An, Bình Dương, Hưng Yên, Hải Dương, Long An, Bình Phước, An Giang.

**Nước ngoài:** Ấn Độ, Băng La Đét, Thái Lan, Bruney, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kong, Trung Quốc,...



**2001**  
Xí nghiệp Khai khoáng (Khai thác mỏ đá trắng) được thành lập là tiền thân của Công ty Cổ phần khoáng sản Á Châu, thuộc Công ty Hợp tác Kinh tế (Quận khu 4, Bộ Quốc phòng)

**2007**  
Thành lập tên: Công ty Cổ phần khoáng sản Á Châu, vốn điều lệ: 28.5 tỉ đồng

**2010**  
Đăng kí trở thành công ty đại chúng

**2012**  
Đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty Cổ phần khoáng sản Á Châu là doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực khai thác, chế biến và kinh doanh sản phẩm bột đá vôi siêu mịn (CaCO<sub>3</sub>). Sản phẩm CaCO<sub>3</sub> siêu mịn có tráng phủ và không tráng phủ của AMC được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành công nghiệp như sản xuất sơn, nhựa, giấy cao cấp, cao su, kính, gốm sứ, đá marble nhân tạo, thức ăn chăn nuôi, mỹ phẩm, dược phẩm, bột trét tường,... và được khách hàng công nhận là lựa chọn tốt nhất của họ.



Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng kim loại);

Sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá trắng mịn, siêu mịn và các loại khoáng sản khác

Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa mua bán sản phẩm bột đá trắng mịn, siêu mịn và các loại khoáng sản khác.

Cung cấp dịch vụ vận tải bằng đường bộ

### SẢN PHẨM DỊCH VỤ CHÍNH

- » Đá vôi trắng (đá hộc) dạng thô kích thước 100 -400mm
- » Bột không tráng phủ và có tráng phủ kích thước từ 5 đến 30 μm
- » Hoặc các sản phẩm theo yêu cầu



STT	MÃ SẢN PHẨM	ĐỘ MỊN		CỠ HẠT (mm)
		(D50)	(D97)	
1	NSS-500/C	0,60 μm Max	5,0 μm ± 1,0 Max	0,005
2	NSS-800/C	1,90 μm Max	8,0 μm ± 1,0 Max	0,008
3	NSS-1000/C	2,30 μm Max	10,0 μm ± 1,0 Max	0,010
4	NSS-1500/C	3,20 μm Max	15,0 μm ± 2,0 Max	0,015
5	NSS-2000/C	4,50 μm Max	20,0 μm ± 2,0 Max	0,020
6	NSS-2500/C	5,50 μm Max	25,0 μm ± 2,0 Max	0,025
7	NSS-3000/C	6,50 μm Max	30,0 μm ± 2,0 Max	0,030

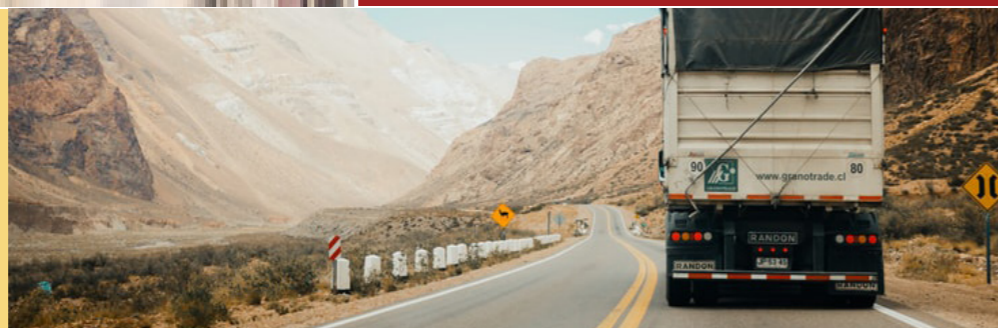
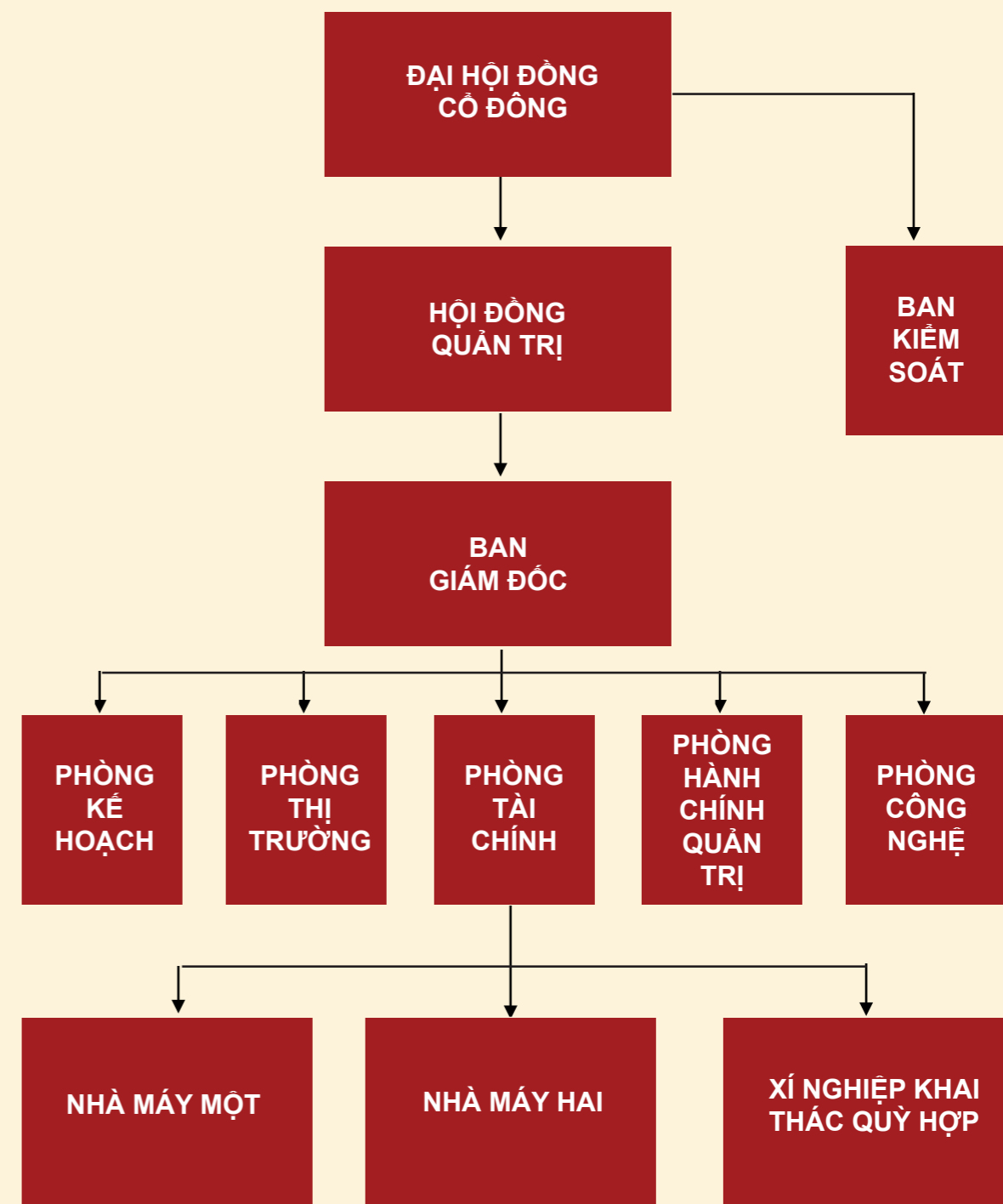
CÁC THÀNH PHẦN HÓA HỌC	CÁC ĐẶC TÍNH VẬT LÝ		
Hàm lượng CaCO <sub>3</sub>	98,98%	Độ sáng	≥ 96%
Hàm lượng MgCO <sub>3</sub>	≤0,21%	Độ trắng	≥ 97%
Hàm lượng Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub>	≤ 0,02%	Độ ẩm	≤ 0.2%
Hàm lượng Al <sub>2</sub> O <sub>3</sub>	≤0,03%	Khối lượng riêng (đá nguyên liệu)	2.7g/cm <sup>3</sup>
Hàm lượng SiO <sub>2</sub>	≤0,12%	Độ thấm dầu (cỡ hạt mịn nhất)	≥ 24g/100g of CaCO <sub>3</sub>
Hàm lượng Na <sub>2</sub> O	≤0,05%	Tỷ lệ hao hụt khi đốt cháy	≤ 43,08%

Đặc tính đá vôi (CaCO<sub>3</sub>) có tính chất không cứng, không bền như các loại đá khác nên không thể ứng dụng được trong xây dựng và điêu khắc. Tuy nhiên, do tỉ lệ canxi trong đá cao nên đá vôi được khai thác, trải qua quá trình sản xuất cho ra bột đá trắng siêu mịn với vai trò là thành phần phụ gia, nguyên liệu, chất độn, nhằm mục tiêu tăng cường một số đặc tính cần thiết cho sản phẩm cũng như hạ giá thành sản phẩm cuối cùng.





## MÔ HÌNH BỘ MÁY QUẢN TRỊ





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Ông **ĐINH XUÂN TỰ** Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày tháng năm sinh: 20/03/1970  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí  
 Quá trình công tác:  
 1999-2000: Phó Giám đốc PX1-X47- Cục kỹ thuật-QK4  
 2001-2002: Q. Giám đốc Xưởng SC Viêng Chăn- Công ty Hợp tác kinh tế  
 2002-2005: Phó Giám đốc Xưởng SC Viêng Chăn- Công ty Hợp tác kinh tế  
 2005-2007: Giám đốc Xưởng SC Viêng Chăn- Công ty Hợp tác kinh tế  
 2007-2011: Trợ lý sửa chữa phòng CNKT- Công ty Hợp tác kinh tế  
 2011-2015: Phó phòng CNKT- Công ty Hợp tác kinh tế  
 2015- nay: Trưởng phòng CNKT- Tổng Công ty Hợp tác kinh tế  
 Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/12/2019 (%): 25%

### Ông **LÊ ĐÌNH HÙNG** Thành viên Hội đồng Quản trị

Kiểm Giám Đốc điều hành Công ty CP Khoáng sản Á Châu  
 Ngày tháng năm sinh: 20/7/1971  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư lâm nghiệp  
 Quá trình công tác:  
 1995-1998: Đồi Lâm sinh- Công ty HTKTQK4  
 1998-1999: Đồi khảo sát gỗ cứng- Công ty HTKTQK4  
 1999-2000: Đồi KT gỗ Nà Hin- Công ty HTKTQK4  
 1990-2003: Đồi Lâm Sinh- Công ty HTKTQK4  
 1993-2005: Phó chỉ huy trưởng, Công trường 4B- Công ty HT-KTQK4  
 2005-2006: Đồi trưởng, Đồi Lâm Sinh- Công ty HTKTQK4  
 2006-2013: Trưởng TB KH, BDA gỗ Lòng hồ Xekhanman 1- TCT HTKT  
 2013-2015: Phó ban thường trực, BDA gỗ Lòng hồ Xekhanman 1- TCT HTKT  
 2016- 09/2018 Chủ tịch HĐQT, Công ty CP Sông Đà-Trường Sơn  
 9/2018 - nay: Giám đốc công ty cổ phần khoáng sản Á Châu  
 Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/12/2019 (%): 16%

### Ông **LÊ VĂN CHIẾN** Thành viên Hội đồng Quản trị

Ngày tháng năm sinh: 28/05/1976  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân  
 Quá trình công tác:  
 2000-2004: Cán bộ kinh doanh - Công ty TNHH Nhất Vinh  
 2004-2007: Giám đốc - Công ty TNHH Trọng Tín  
 2007-2012: Trợ lý kinh doanh - Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu  
 2012- 05/2018: Trưởng phòng kinh doanh - Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu  
 05/2018 - nay: Phó giám đốc công ty cổ phần khoáng sản Á Châu  
 Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/12/2019 (%): 1%

### Ông **NGUYỄN TRUNG THÀNH** Thành viên Hội đồng Quản trị

Ngày tháng năm sinh: 17/04/1981  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế  
 Quá trình công tác:  
 2004-2006: Nhân viên kế toán - Công ty XD&PT hạ tầng, Bộ NN&PTNT  
 2007- 09/2018: Trưởng phòng Kế hoạch - Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu  
 9/2018 - nay: Trưởng phòng kế hoạch công ty cổ phần khoáng sản Đông Á  
 Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/12/2019 (%): 0.18%

### Bà **NGUYỄN THỊ NGÂN** Thành viên Hội đồng Quản trị

Ngày tháng năm sinh: 03/02/1966  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế  
 Quá trình công tác:  
 1984-2008: Văn thư bảo mật - Lữ đoàn 283 – QK\$  
 Hiện nay: Chánh văn phòng Công ty CPXD T. Mại 727  
 Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/12/2019 (%): 3,37%



## BAN KIỂM SOÁT

HỌ TÊN	CHỨC DANH
Ông Trần Minh Hưng	Trưởng Ban Kiểm Soát
Ông Nguyễn Thành Hưng	Ủy viên Ban Kiểm Soát
Bà Phạm Thị Hồng Thái	Ủy viên Ban Kiểm Soát

**Ông TRẦN MINH HƯNG**  
Trưởng Ban Kiểm soát, kiêm Kế toán

Ngày tháng năm sinh: 10/10/1978  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân  
Quá trình công tác:  
2002 – 2003: Nhân viên Ban quản lý đội gỗ Nậm Tạc – Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế.  
2004: Kế toán đội Xây dựng phòng Cơ sở - Công ty Hợp tác Kinh tế.  
2005 – 2006: Phòng Thị trường – Công ty Phát triển Khoáng sản thuộc Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế.  
2006 – 2017: Kế toán Đội gỗ Bắc Lào – Tổng công ty Hợp tác Kinh tế.  
2017 – nay: Trưởng ban kiểm soát - Công ty Khoáng sản Á Châu  
Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/12/2019 (%): 0

**Ông NGUYỄN THÀNH HƯNG**  
Ủy viên Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 26/10/1976  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân  
Quá trình công tác:  
2002-2007: Cán bộ kỹ thuật, Công ty Hợp tác Kinh tế  
2008- nay: Trưởng phòng Công nghệ kỹ thuật, Công ty CP Khoáng sản Á Châu  
Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/12/2019 (%): 0,35%

**Bà PHẠM THỊ HỒNG THÁI**  
Ủy viên Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh:  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế  
Quá trình công tác:  
1999-2006: Kế toán, Công ty CP Nhựa – Bao bì Vinh.  
2006-2017 : Kế toán trưởng, Công ty CP Nhựa – Bao bì Vinh.  
2017 – nay: Trưởng phòng Kế hoạch, Công ty CP Nhựa – Bao bì Vinh  
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:  
Kế toán trưởng, Ủy viên HĐQT- Công ty Cổ phần Nhựa – Bao bì Vinh  
Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/12/2019 (%): 0





### Điểm mạnh:

#### Chủ động nguồn nguyên liệu:

Một trong những điểm mạnh nhất của Khoáng sản Á Châu là có thể chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào để sản xuất thành sản phẩm. Công ty hiện nay được cấp quyền khai thác 02 mỏ đá vôi trắng có chất lượng tốt nhất Việt Nam ở huyện Quỳnh Hợp - Nghệ An (là 01 trong 02 địa phương có trữ lượng đá hoa trắng lớn nhất nước), với tổng diện tích hơn 45 hecta và tổng trữ lượng khai thác trên hơn 30 triệu tấn. Cùng với giấy phép khai thác lên đến 30 năm; trong tương lai gần, Công ty không phải lo về trữ lượng nguyên liệu đầu vào và những biến động về giá thành nguyên liệu so với các công ty khác cùng ngành.

Hơn nữa, trụ sở và nhà máy của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Nam Cẩm, cách cảng Cửa Lò chỉ 5km, điều này giúp Công ty thuận tiện khi vận chuyển nguyên vật liệu từ nguồn khai thác, đồng thời tiết giảm các chi phí liên quan.

#### Năng lực sản xuất và chiến lược phát triển:

Công ty liên tục đầu tư vào dây chuyền máy móc thiết bị hiện đại để nâng cao công tác quản lý và năng suất lao động, nâng công suất toàn bộ Công ty, đáp ứng nhu cầu ngày càng nhiều của thị trường. Hiện nay, khoáng sản Á Châu sở hữu những dây chuyền đồng bộ, hiện đại trong lĩnh vực sản xuất bột đá siêu mịn CaCO<sub>3</sub> nhằm đảm bảo chất lượng ngày càng cao. Công ty đã lắp đặt và vận hành 02 dây chuyền nghiền bột đá siêu mịn của hãng HOSOKAWA ALPINE - Cộng Hoà Liên Bang Đức và 01 dây chuyền nghiền hạt của Italia.

### Điểm yếu:

Kế hoạch mở rộng thị phần còn chậm và chưa hiệu quả:

Tốc độ tăng trưởng, phát triển của Công ty qua các năm gần đây chỉ duy trì ở mức ổn định, chưa cao so với các công ty cùng ngành có các điều kiện tương đồng.

### Cơ hội:

#### Tăng trưởng xuất khẩu được kì vọng cao:

Trong thời gian tới, với việc nhiều hiệp định quốc tế song và đa phương được kí kết bao gồm hiệp định đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực RCEP, Hiệp hội thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu EVFTA,...) sẽ giúp AMC mở rộng thị trường nội địa và xuất khẩu sang Ấn Độ, Trung Quốc, Hàn Quốc... Tăng trưởng xuất khẩu được dự kiến sẽ tăng trong những năm tới, cũng là động lực để phát triển ngành khoáng sản Việt Nam. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2019, giá trị xuất khẩu mặt hàng quặng và các khoáng sản khác là 217,6 triệu USD, tăng 11% so với cùng kì 2018.

### Thách thức:

#### Pháp luật thiếu nhất quán và bất cập về thuế:

Những chính sách về thuế và phí hiện nay với ngành khai khoáng hiện chỉ phục vụ cho mục đích tăng ngân sách nhà nước thay vì tối đa hóa các tài nguyên khoáng sản phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội. Trong khi đó, các doanh nghiệp đầu tư vào khai thác khoáng sản phải chịu gánh nặng về thuế, phí cũng như các khó khăn tài chính dẫn tới việc chỉ chấp nhận khai thác tài nguyên có giá trị cao nhất nhằm có được doanh thu, bỏ mặc công tác nghiên cứu công nghệ do nguồn đầu tư lớn và dài hạn ở giai đoạn đầu... Cách diễn giải các quy định pháp luật thiếu nhất quán càng gây mất thời gian và nguồn lực của cả doanh nghiệp cũng như các cơ quan quản lý liên quan, gieo rắc nỗi sợ hãi về đầu tư trong ngành.

#### Rủi ro cạnh tranh:

Với mức biên lợi nhuận cao và khả năng phát triển của ngành phụ gia cho hạt nhựa, giấy, sơn,... tăng cao, trong vài năm gần đây, số lượng doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực sản xuất đá vôi bột mịn CaCO<sub>3</sub> tăng lên. Hiện nay, tính riêng trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp, đã có đến 35 doanh nghiệp được cấp phép khai thác đá bao gồm các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Con số này đủ thấy thị trường áp lực cạnh tranh cao, ngay trong chính thị trường trong nước. Bên cạnh đó, các nước như Trung Quốc, Malaysia cũng đang cạnh tranh thị phần với doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực xuất khẩu ra nước ngoài.

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



## Định hướng chủ yếu của Công ty

» Khai thác, chế biến đá trắng là ngành kinh doanh trọng yếu, chủ lực là điều kiện để tích lũy và phát triển các lĩnh vực kinh doanh khác.

» Sản xuất, chế biến thành phẩm từ khoáng sản tự khai thác, bằng công nghệ hiện đại, để tận dụng hết các lợi thế về tài chính, về mỏ đá trắng, mặt bằng kinh doanh, nhà xưởng và nguồn nhân lực hiện có của Công ty.

» Tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ mới đối với sản phẩm bột đá trắng mịn và siêu mịn để nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo thế ổn định và phát triển cho Công ty.

» Tiếp tục nghiên cứu liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước để tìm kiếm dự án sản phẩm khác nhằm thực hiện đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở phát huy ưu thế của Công ty trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản.

## Định hướng chi tiết

» Khai thác, chế biến khoáng sản là lĩnh vực chủ lực, là cốt lõi của Công ty, đồng thời tiếp tục chiến lược đầu tư sang một số lĩnh vực sản xuất khác.

» Duy trì và củng cố đầu tư, khai thác các mỏ hiện có, tìm kiếm, thăm dò phát triển khai thác các vùng mỏ nguyên liệu trong và ngoài tỉnh nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu cho hoạt động sản xuất, kinh doanh lâu dài của Công ty. Công tác này cũng góp phần phục vụ phát triển các sản phẩm mới kể cả việc xây dựng thêm các nhà máy khác.

» Tiếp tục đầu tư chiều sâu cho các nhà máy sản xuất về đổi mới công nghệ, trang thiết bị phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản,...bảo vệ môi trường, để đảm bảo ổn định sản phẩm cung ứng, là cơ sở để mở rộng thị trường tiêu thụ.

» Duy trì vị thế doanh nghiệp trên thị trường; Công ty sẵn sàng hợp tác, liên doanh, liên kết với các đối tác, các khách hàng để hiện thực hóa chiến lược hoạt động SXKD có hiệu quả.

## Định hướng về môi trường, xã hội và cộng đồng

» Tuân thủ quy trình khai thác, tuân thủ quy tắc an toàn tuyệt đối trong hoạt động và đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại các mỏ khai khoáng và vùng lân cận.

» Duy trì thường xuyên công tác đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh trong các nhà máy. Kiểm tra định kỳ các hạng mục xử lý chất thải theo cam kết.

» Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động tại Công ty.

» Quan tâm đến việc hỗ trợ nhân dân, những trường hợp khó khăn trong địa bàn nơi Công ty hoạt động và các hoàn cảnh cần sự giúp đỡ của cộng đồng trong khả năng của Công ty.

## RỦI RO VÀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ RỦI RO

### Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, vì vậy hoạt động của Công ty chịu sự ảnh hưởng đồng thời bởi nhiều bộ Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành như: Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Chứng khoán, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Khoáng sản, Luật môi trường, và các văn bản luật có liên quan. Hiện các luật trên đang trong quá trình hoàn thiện nên bất kỳ sự thay đổi nào cũng sẽ có thể ảnh hưởng đến chính sách và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đặc biệt, Công ty khoáng sản Á Châu là doanh nghiệp có hoạt động SXKD nằm trong Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện, do đó Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010, các nghị định và thông tư hướng dẫn, thi hành Luật khoáng sản khác có liên quan. Trong đó phải kể đến những quy định về hạn chế hay khuyến khích khai thác khoáng sản (bao gồm thuế xuất khẩu; phí; thuế tài nguyên và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Thông tư 44/2017 của Bộ Tài chính) có ảnh hưởng rất lớn đến doanh nghiệp nói riêng và toàn ngành nói chung trong giai đoạn này.

#### Giải pháp:

Để hạn chế những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chú trọng công tác theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của mình, đồng thời thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty để đảm bảo quá trình hoạt động SXKD của Công ty được diễn ra liên tục và không bị gián đoạn.

### Rủi ro thị trường tiêu thụ

Hiện nay, khoảng 20% doanh thu của Công ty đến từ hoạt động xuất khẩu sản phẩm sang thị trường Ấn Độ, Hàn Quốc và Trung Quốc. Điều này dẫn đến rủi ro cho Công ty khi các quốc gia tiêu thụ có sự thay đổi về chính sách nhập khẩu và cầu nhập khẩu. Cụ thể trong bối cảnh dịch bệnh phức tạp và cả ba nước Ấn Độ, Hàn Quốc và Trung Quốc đều là trung tâm vùng dịch, hoạt động xuất khẩu của Công ty sẽ gặp phải trở ngại rất lớn.

#### Giải pháp:

Công ty luôn chủ động đa dạng hóa thị trường tiêu thụ và rà soát kỳ hạn của các hợp đồng đã ký kết, chú trọng xây dựng chiến lược để tăng sức cạnh tranh trên thị trường hiện nay.

### Rủi ro kinh tế

Tình hình kinh tế thế giới biến động phức tạp ảnh hưởng đáng kể đến nền kinh tế trong nước và các doanh nghiệp, Khoáng sản Á Châu cũng không phải ngoại lệ. Công ty cũng gặp phải những rủi ro đến từ các biến số kinh tế vĩ mô như tăng trưởng GDP, tỷ lệ lạm phát, kim ngạch xuất nhập khẩu, tỷ giá hối đoái, lãi suất,... Năm 2019 là một năm bình ổn của kinh tế Việt Nam trước những đợt sóng hỗn loạn của nền kinh tế thế giới, tổng sản phẩm quốc nội tăng 7,02% và chỉ số lạm phát thấp nhất trong bốn năm (CPI = 2,79%), lãi suất cho vay giảm, ngân hàng nhà nước thường xuyên cung cấp các gói hỗ trợ doanh nghiệp, tỷ giá hối đoái ổn định. Tuy nhiên, đầu năm 2020 với sự bùng nổ của đại dịch Covid – 19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi lĩnh vực trong nền kinh tế, chỉ số VN-Index giảm liên tục trong thời gian ngắn và AMC cũng phải đối mặt với rủi ro này.

#### Giải pháp:

Công ty thường xuyên theo dõi diễn biến kinh tế để có những đề án, chiến lược và kế hoạch cụ thể, linh hoạt, kịp thời ứng phó với rủi ro.

### Rủi ro cấp phép khai thác mỏ

Vì khoáng sản là tài nguyên quốc gia nên Luật Khoáng sản đưa ra những quy định nhằm quản lý chặt chẽ việc khai thác và chế biến khoáng sản để tránh lãng phí, tăng hiệu quả khai thác, chế biến và bảo vệ môi trường. Những luật này lại chưa hoàn thiện, các văn bản hướng dẫn thi hành luật còn chưa rõ ràng đã gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này. Những yêu cầu về công nghệ khai thác rất nghiêm ngặt. Trong trường hợp không được cấp phép khai thác, doanh nghiệp sẽ bị lỗ một khoản chi phí rất lớn đến từ chi phí đầu tư ban đầu.

#### Giải pháp:

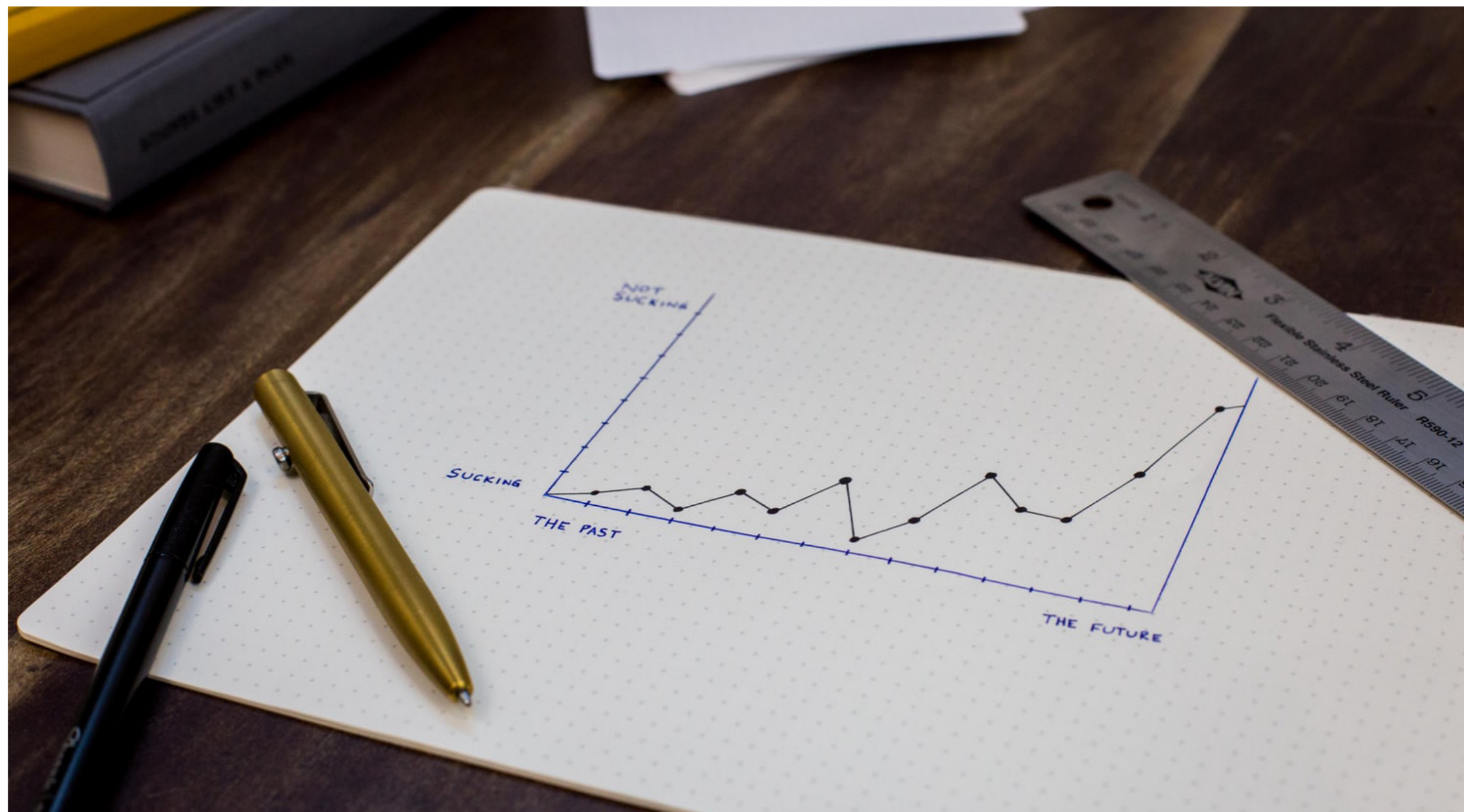
Các hoạt động của Công ty luôn bám sát quy trình đã được xây dựng cụ thể về việc thăm dò, khảo sát địa chất cho từng hoạt động, dự án triển khai, nhằm hạn chế thấp nhất rủi ro và tiết kiệm tối đa chi phí cho hoạt động này.

### Rủi ro môi trường

Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo và có trữ lượng hạn chế. Việc khai thác khoáng sản phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố về môi trường như sức ép bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên. Điều này cũng gây tiềm ẩn rủi ro bị rơi vào những vụ tranh cãi pháp lý hay phản đối từ dư luận đối với hoạt động khai thác là hoạt động đem lại doanh thu chính cho Công ty. Việc thu các khoản phí bảo vệ môi trường, phí nước thải công nghiệp, tiền thuê đất khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên ngày càng cao thể hiện việc nâng rào cản của Nhà nước đối với hoạt động này và sẽ ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### Giải pháp:

Công ty dự báo xác suất rủi ro và đánh giá thiệt hại khi rủi ro xảy ra đối với từng lĩnh vực hoạt động để có biện pháp phòng ngừa và cải thiện thích hợp. Ban lãnh đạo của Công ty cũng phổ biến rộng rãi các Quy định về việc bảo vệ môi trường, nghiên cứu các giải pháp công nghệ giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến môi trường xung quanh.





## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019

Tổng quan kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Tổ chức và nhân sự

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

“

# CHẤT LƯỢNG THAY LỜI NÓI

”

## TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2019

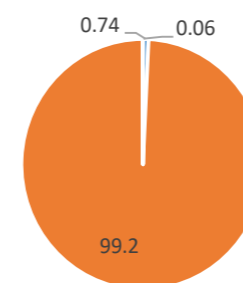
Năm 2019 là một năm ổn định đối với nền kinh tế Việt Nam. Mặc dù phải chịu không ít tác động từ những diễn biến phức tạp của kinh tế thế giới, với cuộc chiến tranh thương mại Mỹ – Trung vẫn chưa có dấu hiệu giảm nhẹ, các vấn đề địa chính trị gay gắt, biến động giá dầu, nhưng dưới sự chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà Nước, các chỉ số kinh tế vĩ mô của Việt Nam đều tăng trưởng ổn định. GDP tăng đều 7,02%, lạm phát được giữ ở mức thấp 2,79%, tỷ giá ngoại hối ổn định, lãi suất liên ngân hàng được hạ nhiệt nhờ chính sách tiền tệ linh hoạt, lãi suất chiết khấu giảm và các gói cung tiền trên thị trường OMO. Ngành khai thác và chế biến khoáng sản vẫn duy trì mức tăng trưởng ổn định, không cao so với các ngành khác, nhưng đã nhận được sự quan tâm phát triển hơn từ phía Nhà nước, khi Chính phủ đã bắt đầu chú ý đến việc chỉnh sửa và hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này.

Trong bối cảnh kinh tế có nhiều tiến triển thuận lợi trong năm 2019, giá dầu thô đã hạ nhiệt từ cuối năm 2018 và duy trì bình ổn với những biến động nhẹ mang xu hướng giảm năm 2019, ngành công nghiệp khai khoáng tăng nhẹ 1,29% sau 3 năm giảm liên tục, Khoáng sản Á Châu đã không ngừng nỗ lực đẩy mạnh sản xuất, kiên định với mục tiêu kinh doanh của mình và đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra trong năm 2019.



NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	THỰC HIỆN NĂM 2018	KẾ HOẠCH NĂM 2019	THỰC HIỆN NĂM 2019	TH 2019/ TH 2018	H/KH 2019
Doanh thu	Triệu đồng	144.586	160.011	139.175	96,3%	87%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.446	9.509	9.645	84,3%	101,4%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.790	9.027	9.085	84,2%	100,6%
Cổ tức	%	20	20	20	100%	100%

Cơ cấu doanh thu theo hoạt động 2019



■ Doanh thu bán hàng ■ Doanh thu bán thành phẩm  
■ Doanh thu vận chuyển

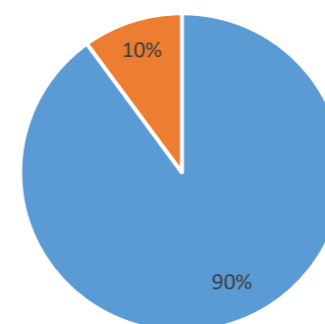
- Doanh thu thuần năm 2019 đạt 139 tỷ đồng, đạt 87% kế hoạch đã đề ra và giảm 4% so với cùng kỳ năm 2018.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 9.6 tỷ đồng, giảm 15,7% so với năm 2018 nhưng đã đạt chỉ tiêu đề ra trong năm 2019 (101,4%).

- Lợi nhuận sau thuế đạt 9,1 tỷ đồng, đạt kế hoạch 2019 đã đề ra.

Nhìn chung, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2019 đã đạt được mức kế hoạch đề ra về lợi nhuận, tuy nhiên chưa đạt được tiêu chí tăng trưởng về doanh thu.

Lợi nhuận gộp



■ Trong nước ■ Xuất khẩu

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2016	2017	2018	2019
----------	--------	------	------	------	------

Doanh thu thuần	Triệu đồng	166.425	147.497	144.586	139.175
-----------------	------------	---------	---------	---------	---------

Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	100.765	88.325	82.351	74.792
------------------	------------	---------	--------	--------	--------

Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	12.640	10.432	10.790	9.085
--------------------	------------	--------	--------	--------	-------

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN



Trong năm 2019, Á Châu tiếp tục triển khai kế hoạch dự án đầu tư cả hai mỏ để đảm bảo cung cấp đủ cung hàng hóa trong nước và xuất khẩu. Với mục đích đẩy mạnh sản xuất, tăng sản lượng tiêu thụ bột đá, và tăng nhanh tỷ trọng doanh thu ở mảng bán thành phẩm đá vôi mịn CaCO<sub>3</sub>. Trong năm 2019, Công ty đã đầu tư mới nhiều các tài sản thiết bị để phục vụ sản xuất giá trị đầu tư gần 2 tỷ đồng.

Nhìn chung, năm 2019 các hạng mục sau đầu tư của công ty đã phát huy được hiệu quả. Tuy nhiên tiến độ thực hiện các dự án này đang chậm hơn kế hoạch, một số hạng mục đầu tư còn dang dở chưa hoàn thành tính đến cuối năm.

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



STT	TÍNH CHẤT PHÂN LOẠI	SỐ LƯỢNG NGƯỜI 2018 (NGƯỜI)	SỐ LƯỢNG NGƯỜI 2019 (NGƯỜI)	TỶ TRỌNG 2019 (%)
<b>A</b>	Theo trình độ lao động	118	121	100%
	Đại học và trên Đại học	23	26	21%
	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	8	7	6%
	Sơ cấp và công nhân kĩ thuật	51	50	41%
	Lao động phổ thông	36	38	31%
<b>B</b>	Theo đối tượng lao động	118	121	100%
	Lao động trực tiếp	65	68	56%
	Lao động gián tiếp	53	53	44%
<b>C</b>	Theo giới tính lao động	118	121	100%
	Nam	103	107	88%
	Nữ	15	14	12%
<b>D</b>	Theo độ tuổi	118	121	100%
	Dưới 25	0	0	0%
	Từ 25-35	67	57	47%
	Trên 35	51	64	53%
<b>TỔNG CỘNG</b>		118	121	100%





## Chính sách đối với người lao động

Xác định nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong quá trình phát triển Công ty.

Bên cạnh việc thu hút nhân tài, Công ty luôn duy trì hướng đến một môi trường lao động tốt, tạo điều kiện tối đa để mỗi cá nhân phát huy kinh nghiệm, năng lực của mình.

## Chế độ làm việc

Về thời gian làm việc: công ty tổ chức làm việc 8 tiếng/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1.5 tiếng. Người lao động được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.

Nhân sự Công ty chiếm đa số là công nhân lao động do đặc thù của ngành nghề khai thác khoáng sản. Văn phòng, nhà xưởng được trang bị đầy đủ máy móc thiết bị phục vụ cho công việc. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

## Chính sách khen thưởng và kỉ luật

Ngoài chế độ tiền lương, Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như: Lương tháng 13, thưởng Tết, thưởng các dịp lễ lớn, thưởng tiết giảm chi phí, thưởng hiệu quả công việc, ...

Công ty luôn tuân thủ các quy định của Luật lao động, thực hiện nghiêm túc các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, đảm bảo môi trường làm việc sạch sẽ, thoáng mát, tổ chức các chương trình văn hóa văn nghệ, ... giải trí sau giờ làm việc cho cán bộ nhân viên. Đảm bảo mỗi cán bộ, nhân viên ở các bộ phận khác nhau sẽ được hưởng thu nhập tương xứng với công việc mà mình đảm nhận.

Các phúc lợi khác của người lao động trong Công ty luôn được đảm bảo như: hỗ trợ lao động nữ nhân ngày Quốc tế phụ nữ, ngày Phụ nữ Việt Nam, hỗ trợ thai sản, nghỉ dưỡng hàng năm, ... Công ty luôn tạo mọi điều kiện để Công đoàn chăm lo cho người lao động tốt nhất theo đúng quy định.

## Chính sách đào tạo

Công nhân trực tiếp sản xuất tại Công ty được chú trọng đào tạo nâng cao tay nghề và tham gia các hoạt động tập huấn, đảm bảo tiêu chuẩn lao động đáp ứng tốt nhất yêu cầu chuyên môn của công việc tại Công ty.

# CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

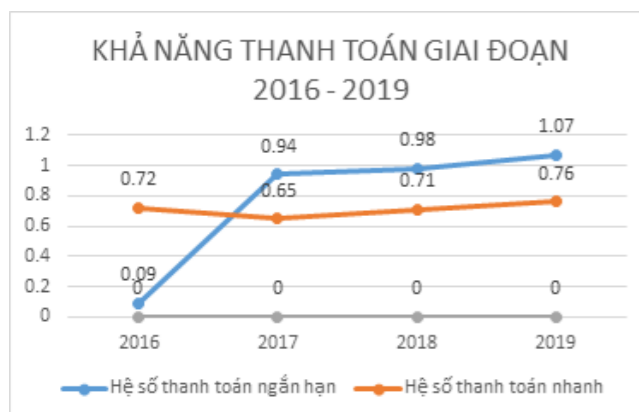
# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài chính

CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	2018	2019	% TĂNG GIẢM
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	85.954	92.497	7,6%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	144.586	139.175	(3,7%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	12.276	10.014	(18,4%)
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	(830)	(369)	55%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.446	9.645	(15%)
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.790	9.085	(15%)

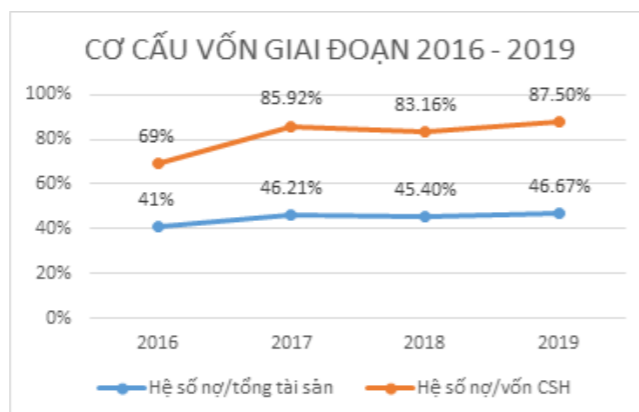
## Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	2016	2017	2018	2019	(2019) / (2018)
<b>Chi tiêu về khả năng thanh toán</b>						
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,09	0,94	0,98	1,07	109,2%
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,72	0,65	0,71	0,76	107,04%
<b>Chi tiêu về cơ cấu vốn</b>						
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	41	46,21	45,40	46,67	102,8%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	69	85,92	83,16	87,5	105,2%
<b>Chi tiêu về năng lực hoạt động</b>						
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	10,20	8,57	8,08	6,7	82,9%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	1,91	1,67	1,68	1,56	92,9%
<b>Chi tiêu về khả năng sinh lời</b>						
Hệ số lợi nhuận sau thuế/DTT	%	7,6	7,07	7,46	6,53	87,5%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	25,60	21,91	22,99	18,9	82,2%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng TS (ROA)	%	14,48	11,78	12,55	10,2	81,3%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/DTT	%	8,08	7,61	8,49	7,2	84,8%



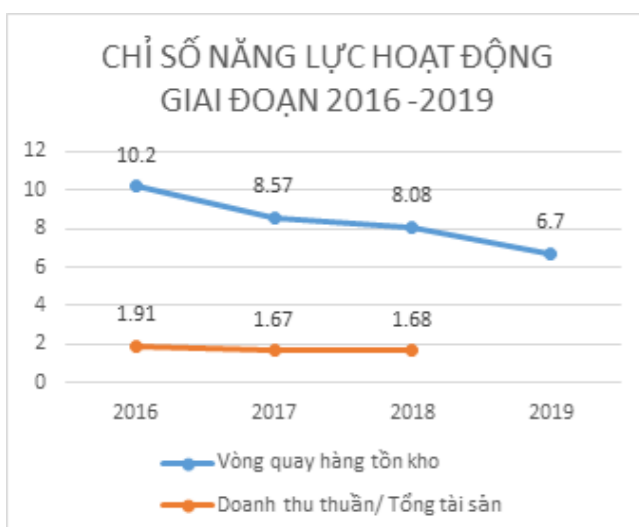
**Khả năng thanh toán**

Năm 2019, khả năng thanh toán của Công ty được cải thiện so với các năm trước, cụ thể khả năng thanh toán hiện hành đạt 1,07 lần, tăng 9,2% so với năm 2018 và khả năng thanh toán nhanh đạt 0,76, tăng 7% so với 2018. Hệ số khả năng thanh toán tăng do tiền và tương đương tiền tăng đáng kể lên 4,4 tỷ đồng (tăng 158,8% so với 2018) trong khi nợ ngắn hạn thay đổi không nhiều và tiền phải trả nợ gốc giảm so với cùng kì năm trước. Hệ số thanh toán trên là đáp ứng đủ mức an toàn đối với một công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác và sản xuất khoáng sản.



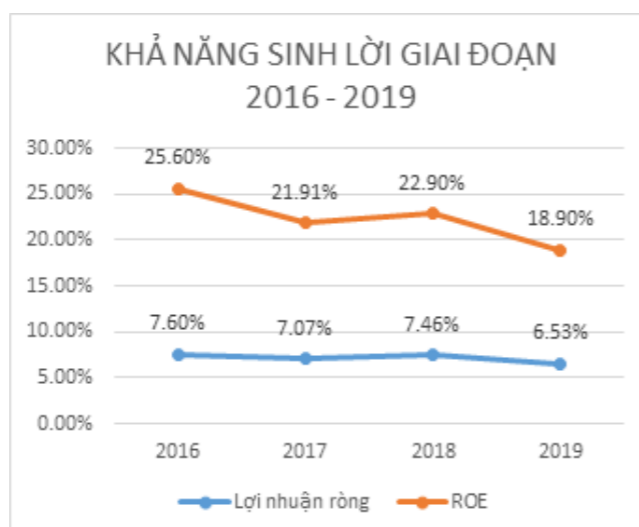
**Cơ cấu vốn**

Tỉ trọng nợ trên tổng tài sản và nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty có xu hướng tăng nhẹ trong năm 2019. Cụ thể nợ chiếm 87,5% tổng tài sản và chiếm 46,7% vốn chủ sở hữu, tăng lần lượt 5,2% và 2,8% so với năm 2018. Sở dĩ có sự tăng nhẹ này là do trong năm 2019, Công ty đã tăng vay và thuê tài chính ngắn hạn để đầu tư một số dự án máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh, đồng thời trích lập dự phòng phải trả dài hạn. Tỷ lệ trả cổ tức giảm còn 20% so với mức 35% của năm 2018 cũng vì mục đích đầu tư mở rộng sản xuất khiến cho vốn chủ sở hữu tăng. Nhìn chung, đây là mức cơ cấu vốn an toàn.



**Năng lực hoạt động**

Vòng quay hàng tồn kho giảm 17% so với 2018 xuống còn 6,7 vòng do sản lượng tiêu thụ năm 2019 giảm so với 2018. Nguyên nhân có thể do trong năm 2019, Công ty mới khai thác đầu tư thêm một số công nghệ máy móc và tiến trình đưa vào vận hành còn chậm, chưa đạt hiệu quả cao. Khoáng sản Á Châu đã dự phóng trước mức sản lượng sản xuất và tiêu thụ giảm trong Kế hoạch kinh doanh xuống còn 108.000 tấn. Điều này cho thấy Công ty đã chủ động trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất. Doanh thu thuần trên Tổng tài sản tăng nhẹ 1% so với 2018 chứng tỏ mặc dù sản lượng sản xuất và tiêu thụ giảm nhưng hiệu quả tăng trưởng danh thu so với tăng trưởng tài sản vẫn không bị suy giảm.



**Khả năng sinh lời**

ROE trong năm 2019 giảm 17% so với 2018 xuống còn 18,9%. ROE giảm mạnh do sản lượng sản xuất và tiêu thụ đồng loạt giảm theo như kế hoạch khiến lợi nhuận sau thuế giảm so với mọi năm, nhưng vẫn đạt chỉ tiêu so với kế hoạch đã đặt ra trong năm. Công ty cần đưa các máy móc thiết bị đã đầu tư vào vận hành một cách hiệu quả và nâng suất hơn trong năm 2020 để cải thiện sản lượng, doanh thu và lợi nhuận.

**CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG, CỔ PHIẾU**

**Cổ phần**

Tính đến ngày 31/12/2019, Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu đã phát hành 2.850.000 cổ phiếu. Trong đó:

- \* Số lượng cổ phần: 2.850.000 cổ phiếu
- \* Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
- \* Số lượng cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- \* Số lượng cổ phiếu phổ thông: 2.850.000 cổ phiếu
- \* Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 2.850.000 cổ phiếu
- \* Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

**Cơ cấu cổ đông**

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NĂM 2019	TỶ LỆ SỞ HỮU NĂM 2019
1	Cổ đông Nhà nước	1.140.000	40%
2	Cổ đông Nước ngoài	127.100	4,5%
3	Cổ đông khác	1.582.900	55,5%
TỔNG		2.850.000	100%

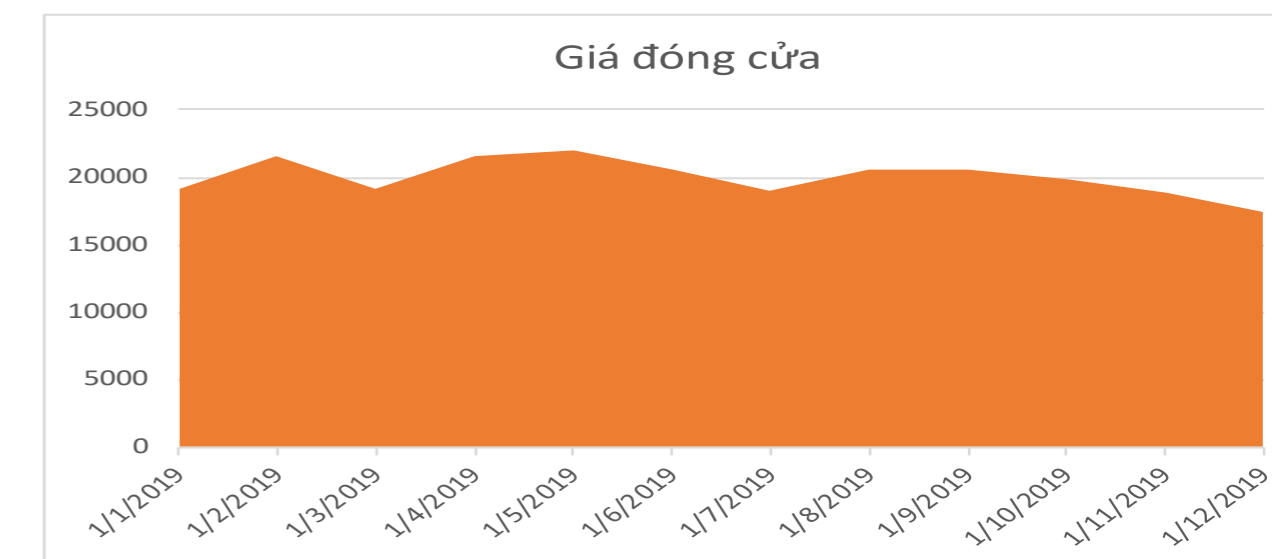


**Danh sách cổ đông lớn**

TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	SỐ CMND/HỘ CHIẾU/ ĐKKD	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KÌ	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CUỐI KÌ
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	VSDAMC2706000028	Số 187 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An	1.140.000	40%

Thay đổi vốn đầu tư CSH: Không thay đổi  
 Giao dịch CP quỹ: Không có

**Biến động giá cổ phiếu trong năm**



Giá đóng cửa cao nhất trong năm 2019: 19.500 VNĐ  
 Giá đóng cửa thấp nhất trong năm 2019: 15.900 VNĐ  
 Thanh khoản trong năm tương đối thấp  
 Khối lượng giao dịch cao nhất: 1200 cổ phiếu  
 Khối lượng giao dịch thấp nhất: 100 cổ phiếu



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh 2019

Tình hình tài chính

Những cải tiến trong cơ cấu lao động, quản lý

## Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh 2019

### Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019

NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	THỰC HIỆN NĂM 2018	KẾ HOẠCH NĂM 2019	THỰC HIỆN NĂM 2019	TH2019/ TH2018	TH/ KH2019
Doanh thu	Triệu đồng	144.586	160.011	139.175	96%	87%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.446	9.509	9.645	84,3%	101,4%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.790	9.027	9.085	84,2%	100,6%
Cổ tức	%	20	20	20	100%	100%

Doanh thu năm 2019 giảm 4% so với 2018 đạt 139 tỷ đồng tương đương với 87% kế hoạch đã đề ra.

Lợi nhuận sau thuế là 9,1 tỷ đồng đạt 100% kế hoạch tuy nhiên giảm 15,8% so với 2018.

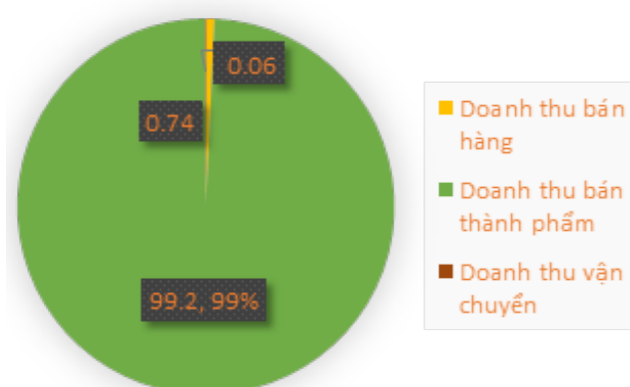
Ban Giám Đốc đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2019 nhìn chung chưa cao và giảm so với mọi năm, chỉ vừa đạt kế hoạch đề ra về lợi nhuận ròng, còn doanh thu thì chưa đạt kế hoạch. Kết quả đó do một số nguyên nhân sau: tỷ lệ cạnh tranh cao khiến Công ty phải hạ giá thành sản phẩm; Tiền cấp quyền

khai thác mỏ tăng lên 3 lần, các khoản thuế phí tăng cao, phải nộp tiền cấp quyền chậm nộp năm 2018; tuy giá dầu thô năm 2019 đã hạ nhiệt nhưng cước vận tải tăng cao ảnh hưởng đến hiệu quả Công ty. Việc sử dụng máy móc thiết bị để tối đa hóa hiệu quả vẫn có chỗ còn thiếu sự hợp lý.

Nhiệm vụ năm 2020 của Khoáng sản Á Châu là phải đưa ra chiến lược cải thiện chức năng quản lý, vận hành từ nhân sự đến máy móc, công nghệ và cải thiện chất lượng quy trình sản xuất và kiểm định sản phẩm để tăng hiệu suất và hiệu quả kinh doanh.

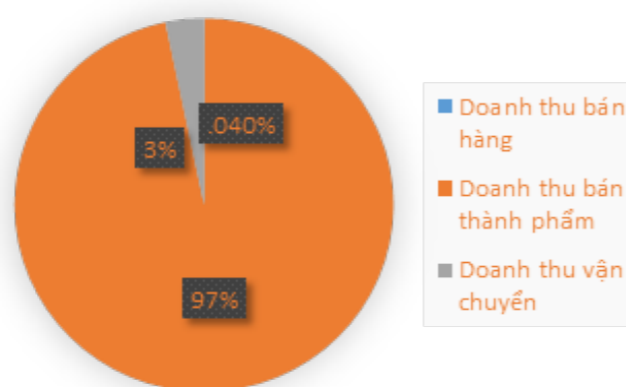
### Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực kinh doanh

#### CƠ CẤU DOANH THU 2019



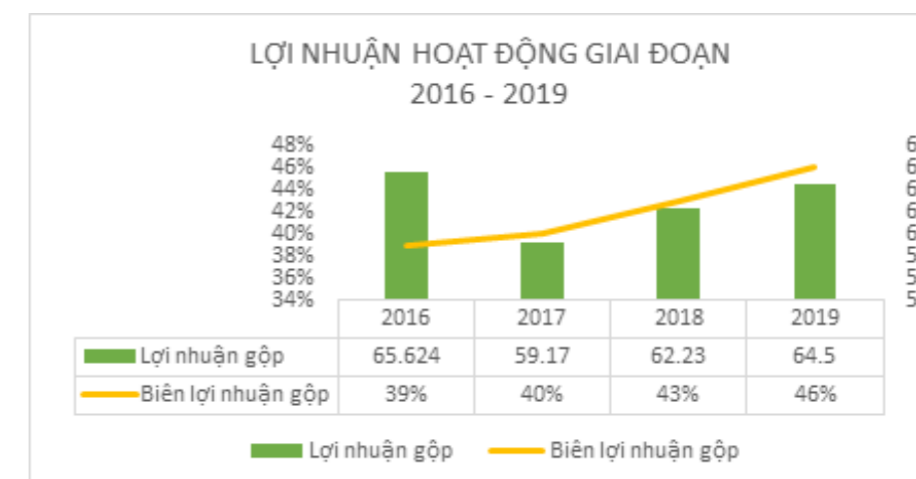
Xét về cơ cấu kinh doanh chi tiết, kết quả kinh doanh 2019 tiếp tục phản ánh rõ cơ cấu đặc trưng trong hoạt động SXKD của Doanh nghiệp: Công ty đang tập trung theo đuổi mảng kinh doanh chính của mình là cung cấp bột đá vôi mịn CaCO<sub>3</sub>. Doanh thu từ bán thành phẩm: đá vôi mịn CaCO<sub>3</sub> vẫn là lĩnh vực kinh doanh chính và chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh

#### CƠ CẤU DOANH THU 2018



thu, chiếm 99,2% tổng doanh thu thuần năm 2019 và cũng là mảng mang lại biên lợi nhuận gộp cao nhất cho Công ty trong nhiều năm. Trong khi đó, doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa giảm mạnh gần 20% từ 2016, đến 2018 chỉ còn 3% và đến 2019 thì chỉ còn 0,74%. Mảng dịch vụ vận chuyển không được chú trọng phát triển, chỉ chiếm 0,06% trong cơ cấu doanh thu.

## Lợi nhuận



Mặc dù doanh thu giảm nhưng giá vốn hàng bán 2019 cũng giảm 10% xuống còn 74,8 tỷ đồng nên lợi nhuận gộp vẫn tăng 3,6% so với năm 2018 lên 64,5 tỷ đồng. Với lợi thế là sở hữu quyền khai thác 2 mỏ đá vôi trắng ở Nghệ An có chất lượng tốt nhất Việt Nam, đây chuyên sản xuất hiện đại với công suất 45.000 tấn/năm, đảm bảo những tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt nhất theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015, Công ty hoàn toàn làm chủ được toàn bộ chuỗi giá trị khép kín từ khâu thăm dò, khai thác mỏ, sản xuất đến thành phẩm sản phẩm đầu ra cuối cùng là bột đá vôi mịn. Việc Công ty chuyển dịch cơ cấu doanh thu, tập chung hơn vào mảng bán thành phẩm: bột vôi mịn CaCO<sub>3</sub> cùng với mức biên lợi nhuận ổn định qua các năm khiến cho lợi nhuận gộp của Công ty nhìn chung tiếp tục tăng trưởng. Điều này cho thấy Công ty đang tận dụng thế mạnh của mình một cách hiệu quả để phát triển dòng sản phẩm của mình trên thị trường khoáng sản.

Dự báo triển vọng ngành khai khoáng trong những năm tới vẫn rất khả quan khi mà những sản phẩm đầu ra chính của vôi bột mịn CaCO<sub>3</sub> là sơn, nhựa, giấy cao cấp, cao su, kính, gốm sứ, đá marble nhân tạo,

bột trét tường... đều là vật liệu xây dựng. Hơn nữa, thu nhập bình quân đầu người, tỷ lệ dân cư tăng trung lưu cũng như tỷ lệ đô thị hóa tăng cao thúc đẩy nhu cầu xây dựng, tiêu dùng, nhà ở tăng cao. Với những đặc điểm nêu trên kết hợp với quy mô dân số lớn dần ở những nền kinh tế đang phát triển, đặc biệt là châu Á sẽ là thị trường chính cho bột vôi mịn CaCO<sub>3</sub>. Theo báo cáo của FPTs, năm 2013, Châu Á là châu lục có giá trị xây dựng cao nhất thế giới – chiếm 44% tổng giá trị toàn cầu, dự báo các nền kinh tế đang phát triển có thể chiếm 60% sản lượng xây dựng toàn cầu vào năm 2025. Theo nghiên cứu Global Construction 2013 (một nghiên cứu toàn cầu về ngành xây dựng và kỹ thuật được công bố Global Construction Perspectives and Oxford Economics), dự đoán rằng thị trường xây dựng của Đông Nam Á sẽ vượt mức 1 nghìn tỷ USD vào năm 2030. Trong tương lai gần, các nước như Ấn Độ, Trung Quốc, Đông Nam Á sẽ là động lực chính cho đầu ra các nhóm ngành vật liệu xây dựng.

Do vậy Công ty luôn sẵn sàng tận dụng mọi nguồn lực để đẩy mạnh và tham gia vào thị trường xuất khẩu để phát triển SXKD.



## Đánh giá tình hình tài chính 2019

### Tình hình tài sản

TÀI SẢN	ĐƠN VỊ	2017	2018	2019
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	34.378	35.026	43.263
Tiền và các khoản tương đương tiền	Triệu đồng	259	1.688	4.378
Các khoản phải thu ngắn hạn	Triệu đồng	22.685	23.142	24.909
Hàng tồn kho	Triệu đồng	10.784	9.606	12.603
Tài sản ngắn hạn khác	Triệu đồng	649	591	1.374
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	54.157	50.927	49.234
Các khoản phải thu dài hạn	Triệu đồng	1.456	1.790	2.145
Tài sản cố định	Triệu đồng	49.468	43.318	38.537
Tài sản dở dang dài hạn	Triệu đồng	-	132	-
Tài sản dài hạn khác	Triệu đồng	3.233	5.688	8.553
Tổng tài sản	Triệu đồng	88.535	85.954	92.498

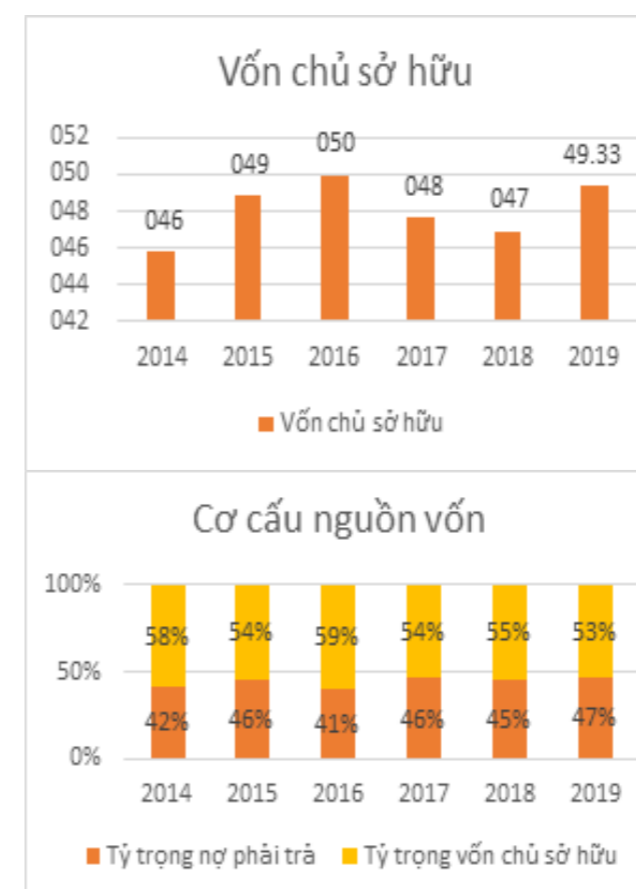
Tổng tài sản của Công ty trong năm 2019 là 92 tỷ đồng, tăng 7,6% so với năm 2018 chủ yếu do tăng hàng tồn kho, kết hợp với việc vòng quay hàng tồn kho giảm, điều này chứng tỏ chất lượng quản lý hàng tồn kho của Công ty đang cần phải cải thiện. Đặc thù là doanh nghiệp ngành khoáng sản, tài sản cố định chủ yếu của Công ty là máy móc, cơ sở vật chất phục vụ công tác khai thác nên chưa có sự thay đổi quá lớn, cơ cấu tài sản giữ ở mức ổn định trong năm 3 năm liên tiếp từ 2017 đến 2019, tài sản dài hạn của Công ty vẫn chiếm tỷ trọng lớn 50% tổng tài sản nhưng có xu hướng giảm dần do khấu hao tăng.

**Tài sản dài hạn:** Tài sản dài hạn năm 2019 đạt 49,23 tỷ đồng giảm 3% so với 2018. Trong năm doanh nghiệp hầu như không có phát sinh khoản chi ngoài dự kiến cho tài sản cố định có giá trị lớn, do đó nguyên nhân chính khiến giá trị tài sản dài hạn giảm là do doanh nghiệp trích khấu hao từ tài sản cố định vô hình như quyền khai thác khoáng sản, hay từ tài sản cố định hữu hình, bao gồm, máy móc và thiết bị, nhà cửa, và tài sản cố định khác.

**Tài sản ngắn hạn:** Tài sản ngắn hạn năm 2019 tăng 23% so với năm 2018 do tiền mặt và hàng tồn kho tăng. Phải thu ngắn hạn tăng nhẹ chưa đến 1% cho thấy doanh nghiệp vẫn duy trì dòng tiền vào ổn định, không phát sinh thêm phải thu khó đòi.



### Tình hình nguồn vốn



### Đánh giá khác

#### Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái

Hoạt động SXKD của Công ty cũng chịu sự ảnh hưởng bởi các biến động của tỷ giá hối đoái do gần 20% doanh thu của Công ty đến từ xuất khẩu với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD. Tỷ giá hối đoái năm 2019 duy trì ổn định, do Công ty tìm cách tối ưu thời hạn thanh toán của các khoản nợ: dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản; cùng với việc nợ thuần ngoại tệ của Công ty có giá trị khá nhỏ nên không có ảnh hưởng lớn từ biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty.

#### Ảnh hưởng của biến động lãi suất vay

Khoản nợ của Công ty chủ yếu đến từ khoản vay tài chính ngắn hạn chiếm 70% tổng nợ, với mục đích chủ yếu là bổ sung vốn lưu động sản xuất và kinh doanh xuất khẩu bột đá siêu mịn và đầu tư máy móc thiết bị. Trong năm 2019, lãi suất huy động và cho vay của các tổ chức tín dụng là tương đối ổn định, nên mức độ ảnh hưởng do biến động lãi suất đối với doanh nghiệp là không đáng kể. Đối với các khoản vay dài hạn, từ năm đầu năm 2017 đến nay, Công ty tăng cường hoạt động đầu tư đẩy mạnh sản xuất. Các khoản vay nợ của Công ty đều được áp mức lãi suất cố định và tương đối thấp nên không cần phải lo ngại trước biến động lãi suất đi vay.

Cơ cấu nguồn vốn của Công ty không có sự thay đổi đáng kể qua các năm. Vốn chủ sở hữu năm 2019 đạt 49.331 tỷ đồng, tăng 6% so với năm 2018 do tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Nợ ngắn hạn tăng 12% so với 2018 lên mức 40,1 tỷ đồng do tăng khoản thuế phải trả Nhà nước và tăng vay và nợ thuê tài chính phục vụ cho các dự án đầu tư máy móc thiết bị của Công ty trong năm.

Nợ dài hạn giảm nhẹ 9% so với 2018 do vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm. Năm 2019, Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản nợ đến hạn, không phát sinh các khoản nợ xấu, đảm bảo HDSX và uy tín của Công ty đã cam kết với đối tác.



## Những cải tiến trong cơ cấu quản lý, lao động

### Đánh giá công tác quản lý

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 mặc dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng cơ bản vẫn diễn ra ổn định, phát triển, có hiệu quả cao; sản lượng sản xuất và tiêu thụ vượt kế hoạch đề ra, tuy doanh thu chỉ đạt 87% KH năm nhưng nhờ quản lý tốt, tiết kiệm được chi phí nên lợi nhuận đạt 100% KH năm; tỷ suất lợi nhuận sau thuế /vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 18,9%; thu nhập bình quân người lao động 9.652.330 đ/ng/tháng đạt 97% KH năm.

### Đánh giá công tác tổ chức lao động - hành chính

- » Công tác tuyển dụng: Phù hợp với nhu cầu sử dụng.
- » Công tác tiền lương: đảm bảo tính toán chính xác lợi ích cho người lao động, đồng viên khen thưởng kịp thời.
- » Đảm bảo đời sống cho CBCNV trong toàn Công ty.

### Đánh giá công tác kĩ thuật - công nghệ

- » Đảm bảo vật tư, phụ tùng thay thế, sửa chữa kịp thời, quản lý tốt công cụ dụng cụ.
- » Quản lý, thống kê, theo dõi hoạt động máy móc thiết bị chặt chẽ, thực hiện kịp thời, có chất lượng việc sửa chữa máy móc thiết bị, chỉ đạo bảo dưỡng máy móc đúng quy trình và quy định.

### Đánh giá công tác quản lý tài chính

» Công tác hạch toán kế toán đúng nguyên tắc, phù hợp với quy chế quản lý tài chính. Cập nhật kịp thời các văn bản, chính sách thuế mới.

» Đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho hoạt động SXKD, tận dụng được tín dụng cho vay bằng ngoại tệ, phát huy hiệu quả sử dụng đồng vốn. Quản lý tốt chi phí.

» Đảm bảo tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác cho người lao động

» Đảm bảo được công tác thu hồi công nợ.

### Đánh giá công tác kế hoạch

» Xây dựng kế hoạch hàng tháng, quý kịp thời, tính khả thi cao.

» Áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật vào từng cung đoạn sản xuất. Thường xuyên theo dõi giám sát chặt chẽ chi phí trong toàn Công ty. Quản lý tốt chất lượng sản phẩm, tổ chức sản xuất hợp lý và khoa học.

» Quản lý tốt giá thành sản xuất. Lựa chọn được các đối tác cung cấp nguyên liệu như: Bao bì, đá trắng, dịch trợ nghiền,... ổn định, đảm bảo về chất lượng, giá cả tốt nhất.

### Đánh giá công tác thị trường

» Xây dựng chiến lược phát triển thị trường ngắn hạn và dài hạn cho Công ty. Xây dựng giá bán sản phẩm linh hoạt phù hợp với thị trường nội địa và xuất khẩu, mang lại hiệu quả.

» Quản lý tốt thị trường đã có, không ngừng khai thác mở rộng thị trường mới.

» Từng bước xây dựng thương hiệu AMC và nhãn hiệu hàng hóa NSS của Công ty trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế. Thương hiệu của Công ty được khách hàng trong nước và nước ngoài tín nhiệm.

### Đánh giá công tác điều hành tại phân xưởng

» Quản lý tốt chất lượng sản phẩm, công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị. Khắc phục MMTB khi hỏng hóc.

» Thực hiện tốt các lệnh sản xuất của Công ty. Công tác điều hành tại Xí nghiệp Khai thác Đá Quý Hợp.

### Công tác thực hiện Nghị quyết Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị

Thực hiện đúng, đầy đủ các nghị quyết Hội đồng Cổ đông và nghị quyết Hội đồng Quản trị năm 2019.

### Một số tồn tại và hạn chế

» Một số cán bộ nhân viên tinh thần trách nhiệm còn yếu, có biểu hiện dao động.

» Một số quy trình quản lý còn chưa khoa học, chưa đáp ứng được với yêu cầu cao của một số khách hàng nước ngoài.

» Còn để xảy ra mất an toàn giao thông.



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

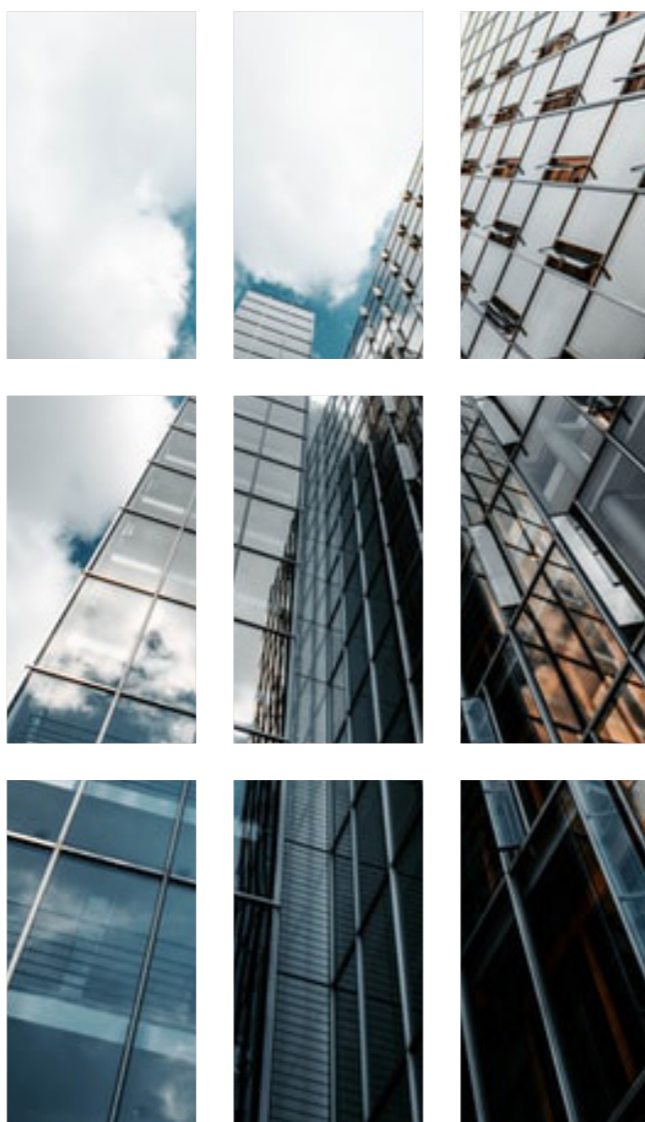
Đánh giá của Hội đồng quản trị về mọi mặt hoạt động của công ty  
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD  
Định hướng năm 2020

## Đánh giá của Hội đồng quản trị về mọi mặt hoạt động của công ty

### Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, ngành

Kinh tế thế giới năm 2019 có nhiều biến động nhưng nhìn chung, tình hình kinh tế Việt Nam vẫn giữ vững mức độ ổn định. Việt Nam được đánh giá là nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định thứ ba thế giới và thứ nhất trong khu vực. Tốc độ tăng trưởng GDP cao 7,02%, mức lạm phát được kiểm soát ở mức thấp 2,79% tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành công nghiệp khai khoáng, chế biến khoáng sản và nhu cầu xây dựng phát triển. Trong mười năm tới, ngành xây dựng Việt Nam được dự phóng có tốc độ tăng trưởng trung bình 6,9% một năm. Ngành xây dựng tăng trưởng tốt là động lực thúc đẩy ngành chế biến vật liệu xây dựng và Khoáng sản Á Châu cũng sẽ được hưởng nhiều lợi ích từ cơ hội đó.

Cơ hội lớn nhưng thách thức cũng lớn, xét riêng về ngành khai thác đá vôi và chế biến bột đá, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành đang diễn ra ngày càng gay gắt đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động SXKD, đầu tư và triển khai các hoạt động khác của Công ty. Nhiều nhà máy đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động cạnh tranh về thị phần gay gắt, nhiều doanh nghiệp mới đã bán hạ giá thấp để vào thị trường làm Công ty cũng phải hạ giá để giữ thị phần, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.



### Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Doanh thu năm 2019 giảm 4% so với 2018 đạt 139 tỷ đồng tương đương với 87% kế hoạch đã đề ra.

Lợi nhuận sau thuế là 9,1 tỷ đồng giảm 15,8% so với 2018 tuy nhiên vẫn đạt 100% kế hoạch.

Đây là kết quả khá sát so với kế hoạch đã đặt ra và đáng ghi nhận trong bối cảnh SXKD gặp nhiều khó khăn thách thức như hiện nay cùng với nhiều đối thủ cạnh tranh trên thị trường. Công ty đã chủ động kiểm soát giảm giá vốn hàng bán để giữ vững tăng trưởng lợi nhuận giai đoạn này.

NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	THỰC HIỆN NĂM 2018	KẾ HOẠCH NĂM 2019	THỰC HIỆN NĂM 2019	TH2019/TH2018	TH/KH2019
Doanh thu	Triệu đồng	144.586	160.011	139.175	96%	87%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.446	9.509	9.645	84,3%	101,4%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.790	9.027	9.085	84,2%	100,6%
Cổ tức	%	20	20	20	100%	100%

### Đánh giá công tác quản lý

Công suất máy móc thiết bị được phát huy tối đa, công tác quản lý định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, giá thành sản phẩm chặt chẽ, bám sát kế hoạch sản xuất nên giá thành sản xuất sản phẩm đá trắng cơ bản thấp hơn giá thành kế hoạch. Công tác quản lý đảm bảo máy móc hoạt động an toàn, không để gián đoạn sản xuất, không để xảy ra hỏng hóc lớn.

### Công tác quản trị tài chính và nhân sự

» Quản trị tài chính kế toán có nề nếp, thực hiện đúng nguyên tắc, quy trình quản lý tài chính, khai thác đảm bảo đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho SXKD. Ghi chép sổ sách, lập chứng từ và lập báo cáo tài chính phải đầy đủ, kịp thời. Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách chính xác, trung thực và khách quan, phù hợp theo chính sách chế độ nhà nước quy định.

» Chỉ đạo đơn vị thực hiện tốt chế độ chính sách của người lao động: Chế độ bảo hiểm, bảo hộ, lương, thưởng, nâng lương và các khoản phúc lợi xã hội.

» Thực hiện tốt việc nộp ngân sách nhà nước, bảo vệ môi trường và công tác quan hệ với địa phương tại địa bàn đứng chân được quan tâm. Công tác Đảng, Đoàn thanh niên, Phụ nữ được duy trì và hoạt động có hiệu quả.



## Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của ban giám đốc

### Những điểm làm được

Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã tiếp thu và tuân thủ một cách nghiêm túc những chỉ đạo từ các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT để triển khai chỉ đạo hoạt động SXKD của Công ty.

Năm 2019 quả thực là 1 năm khó khăn của ngành khoáng sản Việt Nam, cùng với việc ngày càng nhiều đối thủ cạnh tranh xuất hiện trên thị trường, Giám đốc và các nhân sự chủ chốt có nhiều nỗ lực, phấn đấu xuất sắc vượt qua khó khăn đưa Công ty đạt được tương đối kết quả SXKD đặt ra từ đầu năm 2019 (doanh thu đạt 87% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 100,6% so với kế hoạch).

Trong năm 2019, Ban Giám đốc tiếp tục triển khai, đầu tư dự án, không ngừng cải thiện và phát triển hệ thống sản xuất của doanh nghiệp, thường xuyên bám sát triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các định mức khai thác kỹ thuật để quản lý điều hành doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc luôn tích cực, cố gắng chủ động trong công tác thị trường nhằm đảm bảo sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là thị trường xuất khẩu. Đoàn kết thống nhất nội bộ, quan tâm chăm lo đến công tác đời sống người lao động, công tác kỹ thuật, an toàn vệ sinh lao động.

### Những điểm chưa làm được

Do tỉ lệ cạnh tranh trong ngành ngày càng cao, mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt nên một số mặt hàng còn bán giá thấp, hiệu quả chưa cao, mặc dù giá đầu vào tăng nhưng giá bán chưa tăng được tương ứng.

### Chỉ tiêu kế hoạch 2020

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KH NĂM 2020
1	Doanh thu thuần	Đồng	146.017.300.000
	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	7.172.249.241
2	Dự kiến phân phối lợi nhuận năm	%	20
	Trích quỹ đầu tư phát triển	Đồng	755.024.317
	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng	417.224.924
	Chia cổ tức	Đồng	5.700.000.000

## Định hướng năm 2020

### Đánh giá thị trường năm 2019

Trước những diễn biến kinh tế khó lường, Công ty dự báo tình hình thị trường năm 2020 sẽ có những biến động lớn mang thiên hướng bất lợi cho việc SXKD của Công ty. Tính đến thời điểm hiện tại có trên 40 nhà sản xuất bột đá lớn (một số nhà máy sản xuất hạt taical là các khách hàng lớn của Công ty cũng tham gia vào đầu tư sản xuất bột đá) khiến cho tổng công suất sản xuất trong nước ước tính khoảng 4,5 đến 5 triệu tấn năm. Sự xuất hiện ngày càng nhiều hơn những nhà sản xuất mới trong cùng ngành hàng gây ra áp lực cạnh tranh rất lớn trên thị trường cả về giá lẫn sản lượng tiêu thụ. Mặt khác, thị trường của các sản phẩm Sơn, Nhựa, Cao Su, Giấy, v.v – là các sản phẩm có sử dụng bột đá của Công ty – hiện tại đang có chiều hướng trầm lắng xuống khiến mức tiêu thụ bột đá cũng giảm theo. Giá xăng dầu, điện năng có diễn biến ổn định và giảm nhẹ trong năm 2019 tuy nhiên cước vận tải quốc tế và nội địa có xu hướng tăng sẽ làm giảm lợi nhuận gộp của Công ty. Hơn nữa, chính sách thuế, phí của Nhà nước không ổn định (Thuế tài nguyên, phí môi trường, tiền cấp quyền khai thác tầng) cũng là một bất lợi trong cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Chưa kể, trước bối cảnh dịch bệnh Covid – 19 phức tạp và nghiêm trọng như hiện nay, mọi dự đoán kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 đều trở nên khó khăn hơn và ảnh hưởng tiêu cực đến các doanh nghiệp sản xuất là không thể tránh khỏi.

Xác định năm 2020 tới đặc biệt khó khăn đối với hoạt động SXKD của Công ty, vì vậy, HĐQT quyết tâm tập trung mọi nguồn lực để tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2020. Đặc biệt, Công ty vẫn sẽ quan tâm đến các chỉ tiêu cơ bản như sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, lương và các chế độ của CBCNV Công ty, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông, tạo một thương hiệu tốt trên sàn chứng khoán và các khách hàng.

## Phương hướng thực hiện 2020

Duy trì ổn định SXKD, tiếp tục đẩy mạnh công tác thị trường và quảng bá thương hiệu, trong đó đặc biệt tập trung cho thị trường tiêu thụ sản phẩm.

» Xây dựng phương án chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định cho sản xuất, chỉ đạo thực hiện tốt các biện pháp tăng sản lượng khai thác mỏ Châu Quang.

» Thực hiện tốt công tác công nghệ kỹ thuật, tổ chức bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời, bảo đảm có hiệu quả MMTB cho sản xuất; đẩy mạnh công tác sáng kiến CTKT, thay đổi một số khâu sản xuất để giảm giá thành, nâng cao hiệu quả. Tăng cường kiểm tra để ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm.

» Tiếp tục nghiên cứu mở rộng đầu tư khi có cơ hội, chủ động nghiên cứu, tính toán và triển khai thực hiện đầu tư dây chuyền nghiền mịn, lắp đặt hoàn thiện dây, đưa vào vận hành có hiệu quả dây chuyền nghiền mịn. Tìm hiểu, hoàn thiện đầy đủ các thủ tục pháp lý của mỏ Châu Quang.

» Tập trung hoàn thiện cơ chế quản lý nội bộ đảm bảo hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành thống nhất và hiệu quả, nhất là các quy trình thủ tục quản lý nội bộ về định mức, thanh quyết toán, quản lý hàng hoá, vật tư, nguyên nhiên liệu, quản lý chất lượng sản phẩm...

» Thực hiện tốt công tác tài chính- kế toán; tích cực tìm kiếm các giải pháp về vốn như thu hồi công nợ khách hàng, huy động vốn từ các tổ chức tín dụng để đảm bảo vốn cho SXKD, cho đầu tư kịp thời. Quản lý chi phí theo định mức KTKT, định mức lao động- đơn giá tiền lương, định mức chi phí đã được duyệt.

» Đảm bảo đầy đủ, kịp thời mọi chế độ cho người lao động, thường xuyên quan tâm đến công tác ATLĐ, VSLĐ và cải thiện môi trường, điều kiện làm việc, thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường. Đảm bảo an toàn tuyệt đối trong sản xuất, khai thác và tham gia giao thông.

» Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của HĐQT, ban hành kịp thời các nghị quyết, quyết định lãnh đạo quản lý và giải quyết các vấn đề cần thiết; thực hiện nghiêm chỉnh chế độ đồn đốc, kiểm tra, giám sát Ban điều hành trong việc chấp hành các quy định của pháp luật, các nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị.



## QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị  
Ban kiểm soát  
Giao dịch, thù lao  
Tăng cường quản trị công ty

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## DANH SÁCH THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HĐQT

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	
			Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Đinh Xuân Tư	Chủ tịch HĐQT	708.000	25%
2	Ông Lê Đình Hùng	Thành viên HĐQT	445.000	16%
3	Ông Lê Văn Chiến	Thành viên HĐQT	29.000	1%
4	Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên HĐQT	5000	0,18%
5	Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên HĐQT	96.100	3,37%

## CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hiện Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban.

## CÁC CUỘC HỌP VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2019, Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu đã tổ chức 5 cuộc họp HĐQT để thảo luận và thông qua những nội dung quan trọng liên quan đến hoạt động SXKD năm 2019.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đinh Xuân Tư	Chủ tịch HĐQT	5	100%	
2	Ông Lê Văn Chiến	Thành viên HĐQT	5	100%	
3	Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên HĐQT	3	60%	ốm, bận công tác
4	Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên HĐQT	4	80%	Bận công tác
5	Ông Lê Đình Hùng	Thành viên HĐQT	5	100%	

HĐQT luôn chú trọng thực hiện chức năng của mình, kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ Giám đốc trong công tác triển khai các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty, ban hành các Nghị quyết và Quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty hoạt động. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT.



2019

## CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT BAN HÀNH TRONG NĂM

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số: 02 /2019/NQ-HĐQT	02/01/2019	Sáp nhập phân xưởng sản xuất và bổ nhiệm các chức danh quản lý tại phân xưởng
2	Số: 04 /2019/NQ-HĐQT	29/01/2019	- Thông qua báo cáo quyết toán tài chính năm 2018. - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 - Thông qua chỉ tiêu kế hoạch SXKD và quý I.
3	Số: 06 /2019/NQ-HĐQT	16/04/2019	- Thông qua báo cáo quyết toán tài chính và chi phí sản xuất kinh doanh quý I - Thông qua chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý II/2019 - Thông qua chủ trương đầu tư 2019 - Thông qua miễn nhiệm và bổ nhiệm các chức vụ quản lý.
4	Số: 150 /2019/NQ-HĐQT	05/06/2019	Thông qua chi trả cổ tức 2019
5	Số: 160 /2019/NQ-HĐQT	10/06/2019	Thông qua mua sắm máy móc thiết bị
6	Số: 164 /2019/NQ-HĐQT	18/06/2019	Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính.
7	Số: 222 /2019/NQ-HĐQT	24/07/2019	- Thông qua báo cáo quyết toán tài chính và chi phí sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019. - Thông qua chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III/2019
8	Số: 225 /2019/NQ-HĐQT	18/10/2019	- Thông qua báo cáo quyết toán tài chính và chi phí sản xuất kinh doanh quý III năm 2019. - Thông qua chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV/ năm 2019. - Thông qua dự án đầu tư tại phân xưởng 2. - Thông qua chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

Trong năm 2019, thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp, thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.

## BAN KIỂM SOÁT

### Danh sách thành viên Ban Kiểm Soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số CP năm giữ (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Minh Hưng	Trưởng BKS	0	0%
2	Ông Nguyễn Thành Hưng	Thành viên BKS	10,000	0,35%
3	Bà Trần Thị Hồng Thái	Thành viên BKS	0	0%

### Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm Soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Trần Minh Hưng	Trưởng BKS	2/2	100%	
2	Ông Nguyễn Thành Hưng	Thành viên BKS	2/2	100%	
3	Bà Trần Thị Hồng Thái	Thành viên BKS	2/2	100%	

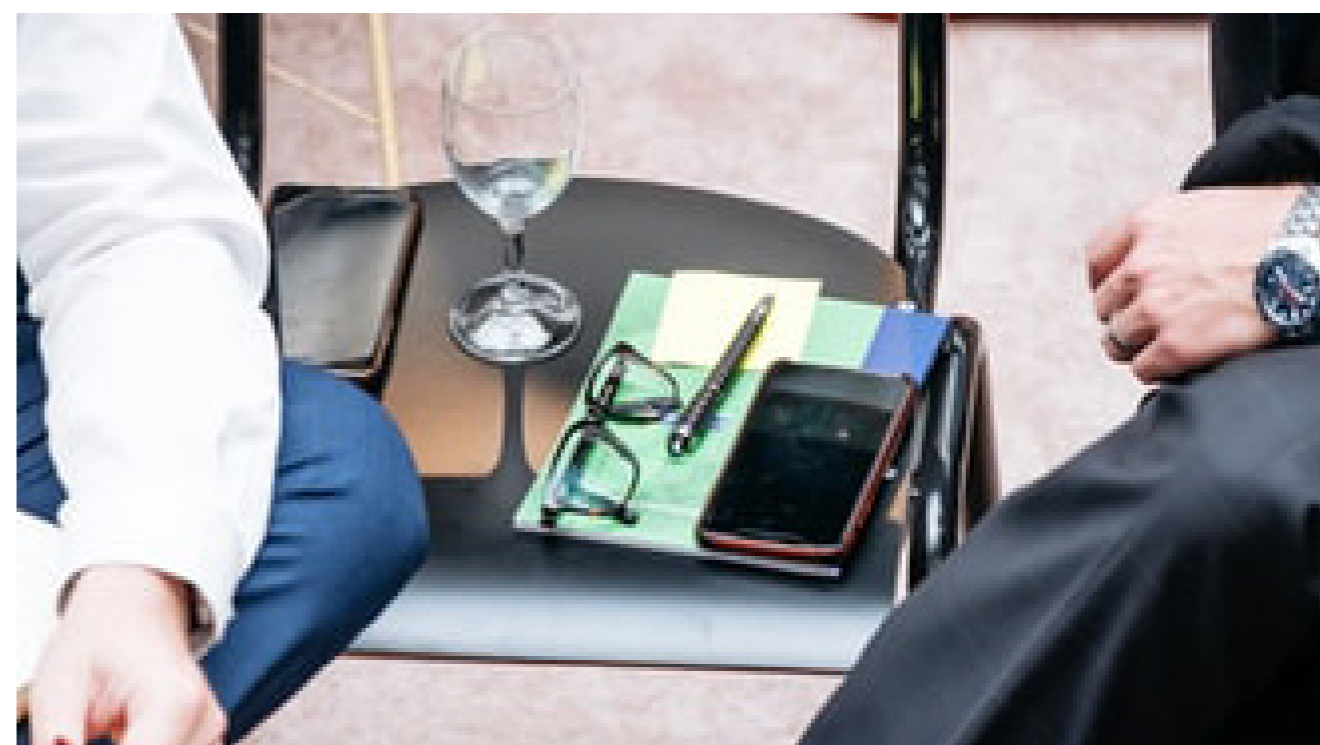
Công tác kiểm soát quá trình quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh sản xuất của HĐQT và BĐH đã tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết HĐQT, đảm bảo kế hoạch SXKD được triển khai theo đúng mục tiêu chiến lược kế hoạch đã đưa ra trong các kỳ Đại hội và các cuộc họp của HĐQT. Các vấn đề mang tính chiến lược hoặc vấn đề lớn của Công ty đều được HĐQT thông qua các cuộc họp HĐQT và nhận được sự thống nhất rất cao từ các thành viên HĐQT. Kiểm soát Báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội cổ đông thường niên. Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty

theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông. Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội cổ đông. Trong các cuộc họp, BKS tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác SXKD, công tác đầu tư và một số công tác khác của Công ty.

Đối với cổ đông BKS không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

## GIAO DỊCH, THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS VÀ BGD

	Họ và Tên	Chức Danh	Thù lao
<b>Hội đồng quản trị</b>	Đình Xuân Tự	Chủ tịch HĐQT	91.872.226
	Lê Đình Hùng	Thành viên HĐQT	68.904.169
	Lê Văn Chiến	Thành viên HĐQT	68.904.168
	Nguyễn Trung Thành	Thành viên HĐQT	68.904.168
	Nguyễn Thị Ngân	Thành viên HĐQT	68.904.168
	Tổng		367.488.900
<b>Ban giám đốc</b>	Lê Đình Hùng		68.904.169
	Lê Văn Chiến		68.904.168
	Tổng		137.808.337
<b>Ban kiểm soát</b>	Trần Minh Hưng	Trưởng BKS	0
	Nguyễn Thành Hưng	Thành viên BKS	37.439.026
	Trần Thị Hồng Thái	Thành viên BKS	37.439.026
	Tổng		74.878.052



## TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Để Công ty hoàn thành tốt các mục tiêu đã thông qua trong Đại hội đồng cổ đông 2020, đồng thời tăng cường tính minh bạch, công khai, công tác quản trị công ty cần tăng cường cụ thể như sau:

» Tăng cường công tác quản lý và điều hành, khai thác hiệu quả các dự án đầu tư trong đó Dự án mỏ Châu Hồng là trọng điểm.

» Trong công tác điều hành, Ban Tổng Giám đốc cần có biện pháp thay đổi cấu vốn để nâng cao hiệu quả đầu tư, mang lại hiệu quả sản xuất hơn nữa cho Công ty.

» Tăng cường công tác thu hồi công nợ, trong năm 2019, số phải thu khách hàng vẫn còn lớn, vẫn còn một số khách hàng nợ quá hạn, chưa thu hồi được.

» Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, tránh phát sinh sản phẩm lỗi phải bồi thường cho khách hàng.

» Đẩy mạnh công tác đào tạo, huấn luyện và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty.

» Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của BKS theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa, hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính.

» Thường xuyên phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể, công đoàn chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.





## PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững

Các chỉ tiêu phát triển bền vững

# PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển là xu thế tất yếu của xã hội, càng ngày nhân loại càng phát minh ra nhiều sáng chế cải thiện chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên, chính trong quá trình cải tạo đời sống vật chất và tinh thần, kinh tế và xã hội mà con người đã và đang tác động quá mức đến thiên nhiên, môi trường xung quanh và gây ra biến đổi khí hậu cùng các vấn đề xã hội khác. Bởi vậy, vấn đề thiết yếu của sự phát triển là những giải pháp phát triển bền vững – sự phát triển sao cho việc đáp ứng những nhu cầu hiện tại không làm ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng đáp ứng nhu cầu của tương lai.

### Những nguyên tắc duy trì phát triển bền vững dựa trên cơ sở những mục tiêu trên và tham khảo các nguyên tắc phát triển bền vững của Liên hiệp quốc:

- » Tôn trọng và quan tâm đến cuộc sống cộng đồng của khu vực hoạt động kinh doanh
- » Đảm bảo song song lợi ích của cổ đông, phát triển đất nước và cải thiện chất lượng đời sống người lao động.
- » Bảo vệ sự đa dạng tài nguyên khoáng sản.
- » Thay đổi thái độ và thói quen sống của người lao động về tác động của con người đến hoạt động khai thác tác động vào tự nhiên.
- » Nâng cao ý thức tự quản lý hoạt động bảo vệ môi trường của mỗi cá nhân người lao động.

### Những biện pháp được Công ty xây dựng và duy trì dựa trên nhận thức về những thách thức cho hoạt động phát triển bền vững:

- » Chủ động thay thế công nghệ lạc hậu bằng công nghệ sạch, hiện đại hơn cho quá trình sản xuất, khai thác và chế biến.
- » Giảm thiểu lượng tiêu hao tài nguyên thiên nhiên và năng lượng tối đa, tránh lãng phí.
- » Áp dụng công nghệ mới ít hoặc không phế thải.
- » Hạn chế việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch và đẩy mạnh việc sử dụng các nguồn năng lượng mới.
- » Đầu tư cho đào tạo và phát triển con người, nâng cao trình độ chuyên môn đội ngũ lao động tại Công ty.
- » Nghiên cứu và áp dụng các giải pháp, chính sách quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

## CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### Chính sách tiêu thụ năng lượng điện và nước

Năm 2019, Công ty tiếp tục thông qua các chính sách về sáng kiến sử dụng tiết kiệm năng lượng điện và nước hiệu quả như sau:

- Ngắt nguồn điện các thiết bị khi không sử dụng và hết giờ làm việc.
- Tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên.
- Chỉ sử dụng điều hòa khi cần thiết
- Nhiệt độ làm mát thấp nhất được cho phép là 25 độ C
- Lựa chọn mua mới các máy móc thiết bị có hiệu suất cao theo nhãn tiết kiệm năng lượng khi phải đầu tư mua mới các thiết bị, phương tiện, dụng cụ mới.
- Nghiên cứu thiết kế hệ thống tuần hoàn nước để sử dụng tiết kiệm nước, tiêu hao nước ở mức thấp nhất.
- Thường xuyên kiểm tra máy móc thiết bị đường ống dẫn đảm bảo không rò rỉ, thấm thoát và an toàn ở mức cao nhất.
- Việc cung cấp điện và nước của Công ty tại 2 mỏ sản xuất chủ yếu được lấy từ các nguồn:
  - + Nguồn điện được cung cấp bởi Tổng công ty Điện Lực Miền Bắc- Công ty Điện Lực Nghi Lộc nước
  - + Nguồn nước được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Cấp nước Cửa Lò

### Chính sách đối với người lao động

Xác định nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong quá trình phát triển Công ty.

Nhân sự Công ty chiếm đa số là công nhân lao động do đặc thù của ngành nghề khai thác khoáng sản. Ngành này đòi hỏi sức khỏe và làm việc trong môi trường nguy hiểm và độc hại, chính vì vậy số lượng lao động phổ thông và công nhân buộc phải chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu trình độ lao động của Công ty Công ty luôn duy trì hướng đến một môi trường lao động tốt, tạo điều kiện tối đa để mỗi cá nhân phát huy kinh nghiệm, năng lực của mình. Đảm bảo tốt các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và các chế độ theo quy định của Nhà nước: Chính sách lương, thưởng, phúc lợi phù hợp với quy định của Công ty đồng thời đảm bảo mỗi cán bộ, nhân viên ở các bộ phận khác nhau sẽ được hưởng thu nhập tương xứng với công việc mà mình đảm nhận.

Bên cạnh đó, Ban giám đốc cũng chú trọng, quan tâm đến vấn đề đời sống của người lao động: Lương tháng 13, thưởng Tết, thưởng các dịp lễ lớn, thưởng tiết giảm chi phí, thưởng hiệu quả công việc,...là các hoạt động hàng năm được Công ty chú trọng và chăm lo. Các phúc lợi khác của người lao động trong Công ty được đảm bảo như: hỗ trợ lao động nữ nhân ngày Quốc tế phụ nữ, ngày Phụ nữ Việt Nam, hỗ trợ thai sản, nghỉ dưỡng hàng năm,... Công ty luôn tạo mọi điều kiện để Công đoàn chăm lo cho người lao động tốt nhất theo đúng quy định.

### Chính sách liên quan đến trách nhiệm cộng đồng, địa phương và môi trường

Trách nhiệm với cộng đồng địa phương là một trong những sứ mệnh quan trọng được ưu tiên hàng đầu của Công ty. Công ty luôn đồng hành cùng các hoạt động thiết thực với xã hội với mong muốn nâng cao tay nghề với trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trong nước, duy trì nghĩa vụ và trách nhiệm với cộng đồng địa phương nơi công ty có lợi ích hoạt động.

- Tuân thủ quy trình khai thác, quy tắc an toàn tuyệt đối trong lao động, và đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại các mỏ khai khoáng và vùng lân cận.
- Duy trì đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh trong các nhà máy.
- Kiểm tra định kỳ các hạng mục xử lý chất thải theo cam kết
- Quan tâm hỗ trợ người dân, những người khó khăn trong địa bàn nơi công ty hoạt động và giúp đỡ cộng đồng trong khả năng của công ty.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019

Bảng cân đối tài sản

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh Báo cáo tài chính



**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 36
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 36

**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**

Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2703001715 cấp ngày 28/12/2007 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An. Ngày 29/5/2015, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2900859599 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/09/2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Xuân Tự	Chủ tịch
Ông Lê Đình Hùng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên
Ông Lê Văn Chiến	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Đình Hùng	Giám đốc
Ông Lê Văn Chiến	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Minh Hưng	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Thành Hưng	Thành viên
Bà Trần Thị Hồng Thái	Thành viên

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**

Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

**Lê Đình Hùng**

Giám đốc

*Nghệ An, ngày 03 tháng 03 năm 2020*

Số: mmdyy.xxx/BCTC.KT1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu được lập ngày 03 tháng 03 năm 2020, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số 10 cho thấy Công ty đang ghi nhận phí cấp quyền khai thác khoáng sản của mỏ Châu Hồng vào chi phí sản xuất năm 2018 và năm 2019 với số tiền mỗi năm là 624,8 triệu đồng. Trong khi đó, số tiền phí cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho năm 2018 và 2019 theo Thông báo của Cục thuế Nghệ An là 6,76 tỷ đồng (mỗi năm 3,38 tỷ đồng). Số tiền còn lại đang được Công ty phản ánh trên chi tiêu "Chi phí trả trước dài hạn". Chúng tôi không thể thu thập đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để có thể xác định được tổng chi phí cấp quyền khai thác của mỏ Châu Hồng phải nộp cho toàn bộ thời gian được cấp quyền khai thác khoáng sản và chi phí cần ghi nhận vào chi phí sản xuất năm 2018 và năm 2019 là bao nhiêu. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 kèm theo của Công ty.

- Công ty chưa trích đầy đủ chi phí hoàn nguyên môi trường các mỏ đá đang được cấp phép khai thác theo các đề án về cải tạo phục hồi môi trường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An phê duyệt. Nếu Công ty trích chi phí hoàn nguyên môi trường đầy đủ theo thời gian khai thác thì tổng chi phí hoàn nguyên môi trường cần trích bổ sung lũy kế đến 31/12/2019 là 1,098 tỷ đồng. Nếu công ty ghi nhận đầy đủ theo quy định thì trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, chi tiêu “Dự phòng phải trả dài hạn” sẽ tăng lên 1,098 tỷ đồng, chi tiêu “Giá vốn hàng bán” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 và năm 2019 sẽ tăng lên lần lượt là 425 triệu đồng và 173,6 triệu đồng.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính vấn đề sau:

Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để nhận chuyển tên quyền khai thác đá vôi trắng tại mỏ đá Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An (Chi tiết Thuyết minh số 33).

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

#### Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2020

#### Phan Bá Cường

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm

toán số: 3639-2016-002-1

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>43.263.002.055</b>	<b>35.026.146.786</b>
<b>110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>4.377.608.037</b>	<b>1.688.016.471</b>
111 1. Tiền		4.377.608.037	1.688.016.471
<b>130 II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>24.908.585.608</b>	<b>23.141.697.851</b>
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	23.998.216.517	22.603.620.312
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	626.749.139	133.885.250
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	6	576.452.675	486.616.414
137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(292.832.723)	(82.424.125)
<b>140 III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>12.602.795.880</b>	<b>9.605.884.057</b>
141 1. Hàng tồn kho		12.602.795.880	9.605.884.057
<b>150 IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.374.012.531</b>	<b>590.548.407</b>
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.242.400.991	588.852.252
153 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	131.611.540	1.696.155
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>49.234.658.574</b>	<b>50.927.653.339</b>
<b>210 I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2.144.591.243</b>	<b>1.790.440.245</b>
216 1. Phải thu dài hạn khác	6	2.144.591.243	1.790.440.245
<b>220 II. Tài sản cố định</b>		<b>38.537.258.909</b>	<b>43.317.601.954</b>
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	36.340.241.662	40.962.162.915
222 - Nguyên giá		86.191.423.388	84.552.930.755
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(49.851.181.726)	(43.590.767.840)
227 2. Tài sản cố định vô hình	10	2.197.017.247	2.355.439.039
228 - Nguyên giá		3.200.254.101	3.200.254.101
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(1.003.236.854)	(844.815.062)
<b>240 III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>131.863.047</b>
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	131.863.047
<b>260 IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>8.552.808.422</b>	<b>5.687.748.093</b>
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	11	8.552.808.422	5.687.748.093
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>92.497.660.629</b>	<b>85.953.800.125</b>

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
<b>300 C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>43.166.201.350</b>	<b>39.025.814.325</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>40.112.678.111</b>	<b>35.670.616.714</b>
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	19.276.612.194	18.711.786.223
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.193.000	210.091.700
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	372.942.949	2.724.039.226
314 4. Phải trả người lao động		4.734.183.318	2.553.067.516
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	640.206.011	419.545.024
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	17	339.499.086	450.755.602
320 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	14.745.296.556	10.598.547.526
322 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		744.997	2.783.897
<b>330 II. Nợ dài hạn</b>		<b>3.053.523.239</b>	<b>3.355.197.611</b>
338 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	2.010.600.000	2.713.500.000
342 2. Dự phòng phải trả dài hạn	18	1.042.923.239	641.697.611
<b>400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>49.331.459.279</b>	<b>46.927.985.800</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>49.331.459.279</b>	<b>46.927.985.800</b>
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		28.500.000.000	28.500.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		28.500.000.000	28.500.000.000
418 2. Quỹ đầu tư phát triển		11.745.524.699	10.503.374.795
421 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.085.934.580	7.924.611.005
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	(2.865.142.012)
421b - LNST chưa phân phối năm nay		9.085.934.580	10.789.753.017
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>92.497.660.629</b>	<b>85.953.800.125</b>

Hoàng Thị Oanh

Người lập biểu

Nghệ An, ngày 03 tháng 03 năm 2020

Đặng Hoài Nam

Quyền Kế toán trưởng

Lê Đình Hùng

Giám đốc

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>01</b>	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>139.175.749.937</b>	<b>144.586.012.825</b>
<b>10</b>	<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>139.175.749.937</b>	<b>144.586.012.825</b>
<b>11</b>	<b>3. Giá vốn hàng bán</b>	<b>74.792.352.152</b>	<b>82.351.013.110</b>
<b>20</b>	<b>4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>64.383.397.785</b>	<b>62.234.999.715</b>
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	75.880.770	89.009.112
22	6. Chi phí tài chính	1.195.517.489	1.454.069.159
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	1.163.753.668	1.245.280.711
25	7. Chi phí bán hàng	43.857.888.034	39.562.042.044
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.391.038.462	9.031.562.864
<b>30</b>	<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>10.014.834.570</b>	<b>12.276.334.760</b>
31	10. Thu nhập khác	150.000.756	11.920
32	11. Chi phí khác	519.454.122	830.301.169
<b>40</b>	<b>12. Lợi nhuận khác</b>	<b>(369.453.366)</b>	<b>(830.289.249)</b>
<b>50</b>	<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>9.645.381.204</b>	<b>11.446.045.511</b>
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	559.446.624	656.292.494
<b>60</b>	<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>9.085.934.580</b>	<b>10.789.753.017</b>
<b>70</b>	<b>16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.803</b>	<b>3.441</b>

Hoàng Thị Oanh  
Người lập biểu  
Nghệ An, ngày 03 tháng 03 năm 2020

Đặng Hoài Nam  
Quyền Kế toán trưởng

Lê Đình Hùng  
Giám đốc

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	146.959.203.524	152.766.634.161
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(105.707.992.384)	(98.085.879.880)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(16.804.910.763)	(22.289.526.971)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	(1.152.198.757)	(1.244.334.919)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(504.991.453)	(599.940.265)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	286.400.135	84.823.023
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(17.141.167.907)	(16.098.541.847)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>5.934.342.395</b>	<b>14.533.233.302</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(1.268.279.503)	(538.040.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.699.848	4.983.994
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(1.265.579.655)</b>	<b>(533.056.006)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay	32.603.648.713	37.083.879.226
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(29.159.799.683)	(39.974.488.231)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(5.417.930.000)	(9.680.667.500)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(1.974.080.970)</b>	<b>(12.571.276.505)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>2.694.681.770</b>	<b>1.428.900.791</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>1.688.016.471</b>	<b>259.287.553</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(5.090.204)	(171.873)
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4.377.608.037</b>	<b>1.688.016.471</b>

Hoàng Thị Oanh  
Người lập biểu  
Nghệ An, ngày 03 tháng 03 năm 2020

Đặng Hoài Nam  
Quyền Kế toán trưởng

Lê Đình Hùng  
Giám đốc

**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Năm 2019*

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2703001715 cấp ngày 28/12/2007 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An. Ngày 29/5/2015, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2900859599 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/09/2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Vốn điều lệ của Công ty là 28.500.000.000 VND (Hai mươi tám tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn), tương đương 2.850.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Khai thác, sản xuất và kinh doanh đá học trắng;
- Sản xuất và chế biến sản phẩm bột đá trắng siêu mịn các loại;
- Bán buôn và bán lẻ sản phẩm bột đá trắng siêu mịn các loại.

#### Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2019, sự cạnh tranh với các đơn vị cùng ngành tăng cao, sản lượng bán sụt giảm so với năm 2018 nên Công ty đã tăng cường sản lượng của các mặt hàng có lãi gộp cao, dẫn tới doanh thu tuy có sụt giảm nhưng lợi nhuận gộp tăng lên so với năm 2018. Tuy nhiên, lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2019 vẫn giảm so với năm 2018 do chi phí vận chuyển hàng bán tăng mạnh.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

### 2.3 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

### 2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

<b>Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu</b> Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	<b>Báo cáo tài chính</b> năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
--	--

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 12 năm
- Các tài sản khác	04 năm
- Quyền khai thác mỏ	20 năm
- Tài sản vô hình khác	06 năm

## 2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là phí cấp quyền khai thác khoáng sản và công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.

<b>Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu</b> Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	<b>Báo cáo tài chính</b> năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
--	--

### ***Phí cấp quyền khai thác khoáng sản***

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản là tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của mỏ Châu Hồng căn cứ trên Giấy phép khai thác khoáng sản số 1136/GP-BTNMT ngày 15/05/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian khai thác trên giấy phép.

## 2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## 2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

## 2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: cước vận chuyển hàng hóa, chi phí lãi tiền vay và các chi phí sử dụng dịch vụ khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.15 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

Dự phòng phải trả của Công ty là khoản ước tính chi phí cải tạo môi trường tại mỏ đá Châu Hồng và Châu Quang (đã tính đến yếu tố trượt giá của năm 2018 và năm 2019) được phân bổ từ năm 2018 đến hết thời gian khai thác của 2 mỏ đá.

<b>Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu</b> Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	<b>Báo cáo tài chính</b> năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
--	--

**2.16 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.17 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.18 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

<b>Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu</b> Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	<b>Báo cáo tài chính</b> năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
--	--

**2.19 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Công ty hoạt động tại Khu công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do đó Công ty được hưởng ưu đãi với thuế suất thuế TNDN 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh từ năm 2008. Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn (04) năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến năm 2011) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2020). Năm 2019 là năm thứ 12 Công ty áp dụng mức thuế 10% và là năm thứ 08 Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp. Theo đó thuế suất thuế TNDN sau ưu đãi năm 2019 của Công ty là 5%.

**2.21 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

[Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty \(sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành\) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.](#)

**2.22 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.23 . Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty ty một cách toàn diện.



Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

### 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	102.127.274	65.907.352
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.275.480.763	1.622.109.119
	<b>4.377.608.037</b>	<b>1.688.016.471</b>

### 4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Thương Mại Tiến Hưng	1.692.370.546	-	2.283.321.051	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Hoá Chất Minh Khang	1.003.515.000	-	2.147.840.000	-
Công ty 4 Oranges Co., Ltd	4.425.272.000	-	3.290.278.000	-
Công ty TNHH Hiệp	1.683.701.162	-	2.202.494.243	-
Công ty Cổ phần Nhựa Năm Châu	1.670.856.092	-	2.407.174.255	-
Công ty TNHH Công nghiệp Bellinturf Việt Nam	2.549.799.000	-	1.215.680.000	-
Các đối tượng khác	10.972.702.718	(292.832.723)	9.056.832.763	(82.424.125)
	<b>23.998.216.517</b>	<b>(292.832.723)</b>	<b>22.603.620.312</b>	<b>(82.424.125)</b>

### 5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV	-	-	34.595.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 250 Phù Quý	460.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	166.749.139	-	99.290.250	-
	<b>626.749.139</b>	<b>-</b>	<b>133.885.250</b>	<b>-</b>

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

### 6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu người lao động	317.500.000	-	161.700.000	-
Tạm ứng	47.512.180	-	98.925.735	-
Phải thu khác	211.440.495	-	225.990.679	-
	<b>576.452.675</b>	<b>-</b>	<b>486.616.414</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký quỹ phục hồi môi trường	1.988.579.843	-	1.684.987.645	-
Lãi ký quỹ phục hồi môi trường	156.011.400	-	105.452.600	-
	<b>2.144.591.243</b>	<b>-</b>	<b>1.790.440.245</b>	<b>-</b>

### 7 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu	2.141.783.332	1.848.950.609	2.206.723.672	2.124.299.547
- Công ty Cổ phần Thương Mại Tiến Hưng	1.692.370.546	1.692.370.546	1.692.370.546	1.692.370.546
- Công ty TNHH Thuận Lợi	82.424.125	-	82.424.125	-
- Lê Thị Cúc	235.780.000	70.734.000	285.780.000	285.780.000
- Young Healthcare Corporation	101.208.660	70.846.062	33.799.000	33.799.000
- Công ty Cổ phần Vật tư phụ gia Hóa Chất	30.000.001	15.000.001	112.350.001	112.350.001
	<b>2.141.783.332</b>	<b>1.848.950.609</b>	<b>2.206.723.672</b>	<b>2.124.299.547</b>

### 8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.919.081.988	-	6.154.015.270	-
Công cụ, dụng cụ	72.235.087	-	50.212.377	-
Thành phẩm	4.439.889.155	-	3.384.784.627	-
Hàng hóa	171.589.650	-	16.871.783	-
	<b>12.602.795.880</b>	<b>-</b>	<b>9.605.884.057</b>	<b>-</b>

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HẠN [\[Link từ sheet TM\\_TSCDHH\]](#)

Chọn mã cột chi t	2111	2112	2114	Cong
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền Khai thác mỏ (*) VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	3.168.435.919	31.818.182	3.200.254.101
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.168.435.919</b>	<b>31.818.182</b>	<b>3.200.254.101</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	812.996.880	31.818.182	844.815.062
Khấu hao trong năm	158.421.792	-	158.421.792
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>971.418.672</b>	<b>31.818.182</b>	<b>1.003.236.854</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	2.355.439.039	-	2.355.439.039
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>2.197.017.247</b>	<b>-</b>	<b>2.197.017.247</b>

(\*) Quyền khai thác đối với mỏ đá hoa thuộc khu vực Bản Ngọc, xã Châu Hồng, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An theo giấy phép số 1136/GP-BTNMT ngày 15/05/2015 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp. Quyền khai thác mỏ Châu Hồng bao gồm các chi phí thiết kế thi công mỏ, chi phí khảo sát thăm dò mỏ và các chi phí khác phục vụ hoạt động xin cấp phép mỏ đá.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 31.818.182 VND.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	527.777.327	289.201.896
Chi phí bảo hiểm	43.062.183	55.827.166
Chi phí vận chuyển	412.281.820	223.145.455
Chi phí sửa chữa	42.953.788	-
Các khoản khác	216.325.873	20.677.735
	<b>1.242.400.991</b>	<b>588.852.252</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	258.025.422	148.682.093
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ Châu Hồng (i)	8.294.783.000	5.539.066.000
	<b>8.552.808.422</b>	<b>5.687.748.093</b>

**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(i) Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản mô Châu Hồng cụ thể như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	5.539.066.000	2.783.349.000
Phát sinh tăng trong năm:		
- Theo thông báo của Cục Thuế Nghệ An	3.380.551.000	3.380.551.000
+ Số đã nộp	3.380.551.000	1.136.061.000
+ Số chưa nộp	-	2.244.490.000
Số phân bổ trong năm	(624.834.000)	(624.834.000)
- Phân bổ vào chi phí sản xuất theo Giấy phép khai thác	(624.834.000)	(624.834.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.294.783.000</b>	<b>5.539.066.000</b>

(i) Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 1136/GP-BTNMT ngày 15/05/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cấp phép khai thác đá hoa bằng phương pháp lộ thiên tại Khu vực Bàn Ngọc, xã Châu Hồng, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An ("mỏ Châu Hồng"), tổng tiền phí cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp là 12,497 tỷ đồng, nộp trong 11 năm từ năm 2015 đến năm 2025, số tiền phải nộp hàng năm là 1,136 tỷ đồng. Số tiền này được phân bổ đều trong suốt thời hạn khai thác mỏ là 22 năm, số phân bổ vào chi phí sản xuất hàng năm là 624,8 triệu đồng.

Theo Thông báo của Cục thuế Nghệ An, số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp năm 2018 và năm 2019 của mỏ Châu Hồng là 6,67 tỷ đồng (mỗi năm 3,38 tỷ đồng). Kể từ năm 2018 trở đi, khoản chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản này phụ thuộc vào thông báo của cơ quan thuế hàng năm.

Công ty tạm phân bổ chi phí cấp quyền khai thác vào giá thành sản xuất năm 2019 tương tự năm 2018. Công ty đang cùng các hội nghề nghiệp và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác đá trắng trên địa bàn tỉnh Nghệ An gửi văn bản đề nghị sửa đổi khung giá tính thuế tài nguyên ban hành theo Thông tư 44/2017/TT-BTC tới các cơ quan có thẩm quyền (trong đó có tổng Cục Thuế, Bộ Tài chính). Đến ngày 31/12/2019, Công ty vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của các cơ quan có thẩm quyền. Khoản phí cấp quyền khai thác khoáng sản còn lại sẽ được phân bổ phù hợp sau khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền.

**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

### 13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ Phần Nhật Việt	3.486.178.060	3.486.178.060	4.814.913.868	4.814.913.868
Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp Vận Toàn Cầu	4.012.636.000	4.012.636.000	2.762.025.000	2.762.025.000
Công ty TNHH Chính Nghĩa	1.112.053.800	1.112.053.800	2.762.025.000	2.762.025.000
Công ty Cổ phần Bao bì Nghệ An	2.133.828.109	2.133.828.109	2.659.359.800	2.659.359.800
Các đối tượng khác	8.531.916.225	8.531.916.225	5.713.462.555	5.713.462.555
	<b>19.276.612.194</b>	<b>19.276.612.194</b>	<b>18.711.786.223</b>	<b>18.711.786.223</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>1.393.473.152</b>	<b>1.393.473.152</b>	<b>696.666.668</b>	<b>696.666.668</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

---

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

#### 14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

[Link theo sheet TM\\_VAY](#)

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

---

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**  
 Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
 xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**Báo cáo tài chính**  
 năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**  
 Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
 xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**Báo cáo tài chính**  
 năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC** [\[Link từ sheet TM\\_THUE\]](#)

Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
VND	VND	VND	VND

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

#### 16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	30.335.007	18.780.096
Chi phí vận chuyển	47.444.472	135.047.730
Chi phí hoa hồng môi giới	478.317.273	181.018.182
Chi phí phải trả khác	84.109.259	84.699.016
	<b>640.206.011</b>	<b>419.545.024</b>

#### 17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Thù lao HĐQT, BKS	312.751.081	258.349.003
Kinh phí công đoàn	8.748.005	60.664.522
Phải trả Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	-	131.742.077
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.000.000	-
	<b>339.499.086</b>	<b>450.755.602</b>
<b>Phải trả khác là các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)</i>	<b>-</b>	<b>131.742.077</b>

#### 18 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dự phòng phải trả chi phí hoàn nguyên môi trường mỏ đá Châu Hồng	555.956.349	361.201.065
Dự phòng phải trả chi phí hoàn nguyên môi trường mỏ đá Châu Quang	486.966.890	280.496.546
	<b>1.042.923.239</b>	<b>641.697.611</b>

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

#### 19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

##### a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>28.500.000.000</b>	<b>9.925.898.014</b>	<b>9.193.165.523</b>	<b>47.619.063.537</b>
Lãi trong năm	-	-	10.789.753.017	10.789.753.017
Phân phối lợi nhuận	-	577.476.781	(12.058.307.535)	(11.480.830.754)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>28.500.000.000</b>	<b>10.503.374.795</b>	<b>7.924.611.005</b>	<b>46.927.985.800</b>
Lãi trong năm nay	-	-	9.085.934.580	9.085.934.580
Phân phối lợi nhuận	-	1.242.149.904	(7.924.611.005)	(6.682.461.101)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>28.500.000.000</b>	<b>11.745.524.699</b>	<b>9.085.934.580</b>	<b>49.331.459.279</b>

Theo Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau :

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.924.611.005
Trích quỹ đầu tư phát triển	15,67%	1.242.149.904
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10,00%	792.461.101
Trích Quỹ thưởng ban điều hành	2,40%	190.000.000
Chi trả cổ tức	71,93%	5.700.000.000

##### b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2019 VND	Tỷ lệ %	01/01/2019 VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	11.400.000.000	40,00	11.400.000.000	40,00
Các cổ đông khác	17.100.000.000	60,00	17.100.000.000	60,00
	<b>28.500.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>28.500.000.000</b>	<b>100,00</b>

**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	28.500.000.000	28.500.000.000
- Vốn góp cuối năm	28.500.000.000	28.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	(5.700.000.000)	(9.975.000.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(5.700.000.000)	(9.975.000.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(5.417.930.000)	(9.680.667.500)
- <i>Thuế TNCN tương ứng với cổ tức đã chi trả</i>	(282.070.000)	(294.332.500)
- Số dư cuối năm	-	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.850.000	2.850.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	2.850.000	2.850.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.850.000	2.850.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.850.000	2.850.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.850.000	2.850.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

**e) Các quỹ của Công ty**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	11.745.524.699	10.503.374.795
	<b>11.745.524.699</b>	<b>10.503.374.795</b>

**20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty thuê đất của Công ty Phát triển khu công nghiệp Nghệ An tại khu công nghiệp xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc tỉnh Nghệ An và được UBND tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 621731 ngày 31/07/2013. Mục đích sử dụng đất là để xây dựng nhà máy Chế biến bột đá vôi trắng siêu mịn. Diện tích đất thuê là 40.441 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đến ngày 16/02/2054. Công ty được miễn tiền thuê đất đến tháng 3 năm 2017 theo Quyết định số 57/2005/QĐ - UBND ngày 10/05/2005 của UBND tỉnh Nghệ An về ban hành quy định một số chính sách ưu đãi đầu tư tại tỉnh Nghệ An và Quyết định số 485/QĐ-CT ngày 07/04/2014 của Cục thuế Nghệ An về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu. Tiền thuê đất từ ngày 01/03/2017 theo Thông báo số 3447/TB - CT ngày 28/09/2017 của Cục thuế Nghệ An là 1.552 đồng/1m<sup>2</sup>/1 năm, thời gian ổn định đơn giá thuê đất là 5 năm kể từ ngày 01/03/2017. Tiền thuê đất trả hàng năm.

Công ty được cấp phép khai thác đối với mỏ đá hoa thuộc khu vực Bán Ngọc, xã Châu Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An theo giấy phép số 1136/GP-BTNMT ngày 15/05/2015 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp. Trong đó, diện tích khu vực khai thác là 12ha và thời hạn khai thác được cấp phép 22 năm kể từ ngày ký giấy phép.

**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2019	01/01/2019
USD	10.087,71	8.621,47

**21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.033.173.912	4.738.420.899
Doanh thu bán thành phẩm	138.111.530.570	139.794.455.562
Doanh thu vận chuyển	31.045.455	53.136.364
	<b>139.175.749.937</b>	<b>144.586.012.825</b>

**22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	576.459.406	3.356.869.744
Giá vốn của thành phẩm đã bán	74.191.504.125	78.949.901.640
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	24.388.621	44.241.726
	<b>74.792.352.152</b>	<b>82.351.013.110</b>

**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi tiền ký quỹ phục hồi môi trường	53.258.648	47.648.894
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	22.622.122	41.360.218
	<b>75.880.770</b>	<b>89.009.112</b>

**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.163.753.668	1.245.280.711
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	30.649.126	202.093.424
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.114.695	1.182.793
Chi phí tài chính khác	-	5.512.231
	<b>1.195.517.489</b>	<b>1.454.069.159</b>

**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ đồ dùng	1.342.674.611	1.670.820.666
Chi phí nhân công	510.567.800	440.347.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.730.402	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.846.261.515	34.299.015.696
Chi phí khác bằng tiền	1.139.653.706	3.151.858.682
	<b>43.857.888.034</b>	<b>39.562.042.044</b>

**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ đồ dùng	489.248.361	540.454.488
Chi phí nhân công	5.970.642.293	5.478.241.796
Chi phí khấu hao tài sản cố định	858.595.128	853.459.332
Thuế, phí và lệ phí	68.912.432	130.104.432
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	210.408.598	(50.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	742.196.280	664.536.593
Chi phí khác bằng tiền	1.051.035.370	1.414.766.223
	<b>9.391.038.462</b>	<b>9.031.562.864</b>

**27 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ tiền bồi thường bảo hiểm tai nạn	150.000.000	-
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	756	11.920
	<b>150.000.756</b>	<b>11.920</b>

**28 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền phạt chậm nộp thuế	454.345.638	467.172.466
Phạt bồi thường hợp đồng	35.734.088	296.685.800
Các khoản khác	29.374.396	66.442.903
	<b>519.454.122</b>	<b>830.301.169</b>

**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	9.645.381.204	11.446.045.511
Các khoản điều chỉnh tăng	1.543.551.285	1.679.938.766
- <i>Thu lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	229.680.564	154.227.602
- <i>Các khoản phạt về thuế, phạt hành chính, phạt chậm nộp</i>	453.090.983	467.172.466
- <i>Chi phí không được trừ</i>	860.779.738	1.058.538.698
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(134.389)
- <i>Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản phải thu, tiền</i>	-	(134.389)
Thu nhập chịu thuế TNDN	11.188.932.489	13.125.849.888
Thuế TNDN theo thuế suất ưu đãi (10%)	1.118.893.249	1.312.584.989
Thuế TNDN được giảm (giảm 50%)	(559.446.624)	(656.292.494)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>559.446.624</b>	<b>656.292.494</b>
Truy thu, phạt thuế TNDN	-	8.612.862
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	72.217.327	7.252.236
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(504.991.452)	(599.940.265)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>126.672.499</b>	<b>72.217.327</b>

**30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	9.085.934.580	10.789.753.017
Các khoản điều chỉnh:	(1.098.593.458)	(982.461.101)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành (*)</i>	(1.098.593.458)	(982.461.101)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.987.341.122	9.807.291.916
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.850.000	2.850.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.803</b>	<b>3.441</b>

(\*) Số liệu trích Quỹ khen thưởng phúc lợi lấy theo tỷ lệ trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi được thông qua cho năm 2018 và dự kiến cho năm 2019 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2019 với tỷ lệ trích là 10% lợi nhuận sau thuế. Số liệu trích Quỹ thưởng Ban điều hành tạm xác định theo số phân phối lợi nhuận năm 2018 là 190 triệu VND.



**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

### 31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.348.235.223	40.384.325.674
Chi phí nhân công	19.621.530.495	17.501.521.346
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.418.835.678	6.688.336.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.914.190.824	48.102.683.094
Chi phí khác bằng tiền	13.217.131.550	14.243.253.951
	<b>128.519.923.770</b>	<b>126.920.120.625</b>

### 32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.377.608.037	-	1.688.016.471	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.719.260.435	(292.832.723)	24.880.676.971	(82.424.125)
	<b>31.096.868.472</b>	<b>(292.832.723)</b>	<b>26.568.693.442</b>	<b>(82.424.125)</b>
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			16.755.896.556	13.312.047.526
Phải trả người bán, phải trả khác			19.616.111.280	19.162.541.825
Chi phí phải trả			640.206.011	419.545.024
			<b>37.012.213.847</b>	<b>32.894.134.375</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Tiền và tương đương tiền	4.377.608.037	-	-	4.377.608.037
Phải thu khách hàng, phải thu khác	24.281.836.469	-	2.144.591.243	26.426.427.712
	<b>28.659.444.506</b>	<b>-</b>	<b>2.144.591.243</b>	<b>30.804.035.749</b>

#### Tại ngày 01/01/2019

Tiền và tương đương tiền	1.688.016.471	-	-	1.688.016.471
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.007.812.601	-	1.790.440.245	24.798.252.846
	<b>24.695.829.072</b>	<b>-</b>	<b>1.790.440.245</b>	<b>26.486.269.317</b>

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Vay và nợ	14.745.296.556	2.010.600.000	-	16.755.896.556
Phải trả người bán, phải trả khác	19.616.111.280	-	-	19.616.111.280
Chi phí phải trả	640.206.011	-	-	640.206.011
	<b>35.001.613.847</b>	<b>2.010.600.000</b>	<b>-</b>	<b>37.012.213.847</b>

**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	Từ 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Vay và nợ	10.598.547.526	2.713.500.000	-	13.312.047.526
Phải trả người bán, phải trả khác	19.162.541.825	-	-	19.162.541.825
Chi phí phải trả	419.545.024	-	-	419.545.024
	<b>30.180.634.375</b>	<b>2.713.500.000</b>	<b>-</b>	<b>32.894.134.375</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN

#### a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	32.603.648.713	43.656.071.052

#### b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	29.159.799.683	38.966.267.310

### 34 . THÔNG TIN KHÁC

Công ty đang hoạt động khai thác mỏ đá Châu Quang theo Giấy phép số 1116/QG-BTNMT ngày 31/08/2004 được cấp bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường, cấp phép cho Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế - cổ đông lớn của Công ty. Thời hạn khai thác từ ngày 31/08/2004 đến ngày 31/08/2034. Đây là tài sản Công ty nhận góp vốn từ cổ đông này. Đến thời điểm 31/12/2019, Giấy phép này chưa được chuyển quyền khai thác cho Công ty. Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để chuyển tên quyền khai thác mỏ đá này trong thời gian tới do các thủ tục khá phức tạp và mất nhiều thời gian.

Công ty ghi nhận phí cấp quyền khai thác hàng năm theo Thông báo của cơ quan thuế địa phương (Thông qua Tổng Công ty Hợp tác kinh tế) do Giấy phép khai thác khoáng sản không quy định tổng số tiền cấp quyền khai thác phải nộp của mỏ đá này.

### 35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

### 36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

#### Theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá siêu mịn. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

#### Theo khu vực địa lý:

	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	104.069.772.985	35.105.976.952	139.175.749.937
Giá vốn hàng bán	46.168.053.277	28.624.298.875	74.792.352.152
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>57.901.719.708</b>	<b>6.481.678.077</b>	<b>64.383.397.785</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ			1.638.492.633
Tài sản bộ phận	22.204.087.807	1.794.128.710	23.998.216.517
Tài sản không phân bổ	-	-	68.499.444.112
<b>Tổng tài sản</b>	<b>22.204.087.807</b>	<b>1.794.128.710</b>	<b>92.497.660.629</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	481.510.273	-	481.510.273
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	42.684.691.077
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>481.510.273</b>	<b>-</b>	<b>43.166.201.350</b>

### 37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

Mối quan hệ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế Cổ đông lớn</b>		
Chi phí cấp quyền khai thác	562.186.464	459.884.004
Chi phí thuê xe và máy móc	2.090.000.004	2.090.000.004
Cổ tức được nhận	2.280.000.000	3.990.000.000
Các khoản khác	85.310.050	131.742.077

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải trả cho người bán</b>		
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	1.393.473.152	696.666.668
<b>Phải trả khác</b>		
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	-	131.742.077

**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**  
Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,  
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	716.433.859	652.393.141
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	495.774.160	887.267.444

### 38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

**Hoàng Thị Oanh**  
Người lập biểu  
Nghệ An, ngày 03 tháng 03 năm 2020

**Đặng Hoài Nam**  
Quyền Kế toán trưởng

**Lê Đình Hùng**  
Giám đốc

### Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu

Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

### 9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	27.020.846.973	48.477.687.336	8.926.413.148	127.983.298	84.552.930.755
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	214.895.002	714.506.722	709.090.909	-	1.638.492.633
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>27.235.741.975</b>	<b>49.192.194.058</b>	<b>9.635.504.057</b>	<b>127.983.298</b>	<b>86.191.423.388</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	10.586.125.688	28.424.680.686	4.497.015.638	82.945.828	43.590.767.840
- Khấu hao trong năm	1.756.815.885	3.527.831.393	959.293.525	16.473.083	6.260.413.886
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>12.342.941.573</b>	<b>31.952.512.079</b>	<b>5.456.309.163</b>	<b>99.418.911</b>	<b>49.851.181.726</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	16.434.721.285	20.053.006.650	4.429.397.510	45.037.470	40.962.162.915
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>14.892.800.402</b>	<b>17.239.681.979</b>	<b>4.179.194.894</b>	<b>28.564.387</b>	<b>36.340.241.662</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 8.513.033.946 VND.  
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 13.950.392.227 VND.

**Báo cáo tài chính**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**

Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**Báo cáo tài chính**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**14 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	-	-	27.639.564.783	14.338.168.227	13.301.396.556	13.301.396.556
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	8.974.747.526	8.974.747.526	4.183.633.930	13.158.381.456	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.623.800.000	1.623.800.000	1.444.350.000	1.624.250.000	1.443.900.000	1.443.900.000
	<b>10.598.547.526</b>	<b>10.598.547.526</b>	<b>33.267.548.713</b>	<b>29.120.799.683</b>	<b>14.745.296.556</b>	<b>14.745.296.556</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	4.337.300.000	4.337.300.000	780.000.000	1.662.800.000	3.454.500.000	3.454.500.000
	<b>4.337.300.000</b>	<b>4.337.300.000</b>	<b>780.000.000</b>	<b>1.662.800.000</b>	<b>3.454.500.000</b>	<b>3.454.500.000</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.623.800.000)	(1.623.800.000)	(1.444.350.000)	(1.624.250.000)	(1.443.900.000)	(1.443.900.000)
<b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>	<b>2.713.500.000</b>	<b>2.713.500.000</b>			<b>2.010.600.000</b>	<b>2.010.600.000</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(i) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 05/19/6068/HM/AMC ngày 22/03/2019 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 VND, đồng tiền cho vay là VND. Lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ tại từng thời điểm. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/07/2013 và máy móc thiết bị bao gồm: máy đào bánh xích nhãn hiệu Komatsu (Model PC200-6E, số máy 6D1022625970); máy đào bánh xích nhãn hiệu Komatsu (Model PC200-6E, số máy 6D1022626800); búa đập thủy lực hiệu Jisung JSB-60D; máy đào bánh xích nhãn hiệu Komatsu (Model PC200-6LE, số khung BA84037); máy nén khí trục vít BKCY-12/10; máy khoan đá tự hành YC910B; ô tô con nhãn hiệu Toyota Prado, biên kiểm soát 37A - 386.2; xe ô tô tự đổ nhãn hiệu Howo, biên kiểm soát 37C - 263.67. Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2019 là 13.301.396.556 VND.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(ii) Bao gồm các hợp đồng cho vay sau:

Hợp đồng cho vay 05/2017/5068/AMC ngày 29/06/2017, trong đó số tiền cho vay là 2.117.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 8,5% năm. Khoản vay nhằm mục đích mua xe Toyota Landcruiser Prado theo hợp đồng mua xe ô số 33/HDKT ngày 04/04/2017. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/07/2013. Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2019 là 1.058.500.000 VND (trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 423.400.000 VND).

Hợp đồng cho vay 05/2017/5168/AMC ngày 05/07/2017, trong đó số tiền cho vay là 2.635.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 8,6% năm. Khoản vay nhằm mục đích mua ô tô máy đào bánh xích KOMATSU theo hợp đồng kinh tế số 107/17/HDMB ngày 01/07/2017. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/07/2013 và tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2019 là 1.317.500.000 VND (trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 527.000.000 VND).

Hợp đồng cho vay 05/2017/5268/AMC ngày 17/07/2017, trong đó số tiền cho vay là 556.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 8,6% năm. Khoản vay nhằm mục đích mua máy nén khí trục vít BKYC-12/12, máy khoan đá tự hành YC 910B theo hợp đồng mua bán số KS-201706001. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/07/2013 và tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2019 là 92.600.000 VND (trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 92.600.000 VND).

Hợp đồng cho vay 05/2017/5368/AMC ngày 18/07/2017, trong đó số tiền cho vay là 935.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 8,6% năm. Khoản vay nhằm mục đích mua xe ô tô tải hiệu HOWO theo hợp đồng kinh tế số 1707/PT-AC/2017 ngày 17/07/2017. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/07/2013 và tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2019 là 155.900.000 VND (trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 155.900.000 VND).

Hợp đồng cho vay 05/2017/5370/AMC ngày 24/07/2017, trong đó số tiền cho vay là 150.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 8,6% năm. Khoản vay nhằm mục đích mua búa đập thủy lực JSUNG JSB 60D theo hợp đồng số 65/HDKT ngày 21/07/2017. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/07/2013 và tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2019 là 25.000.000 VND (trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 25.000.000 VND).

**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**

Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**Báo cáo tài chính**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu****Báo cáo tài chính**

Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Hợp đồng cho vay số 05/2017/5069/AMC ngày 31/07/2017, trong đó số tiền cho vay là 380.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 8,6% năm. Khoản vay nhằm mục đích mua máy đào KOMATSU PC 200LC-LE theo hợp đồng mua bán số 14/HĐMB ngày 02/06/2017. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/07/2013 và tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2019 là 64.000.000 VND (trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 64.000.000 VND).

Hợp đồng cho vay số 05/2019/6001/AMC/TĐH ngày 03/07/2019, trong đó số tiền vay 780.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng.

Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua xe 01 xe xúc lật bánh lốp hiệu LiuGong.

Lãi suất cho vay: cố định là 8,9%/năm, cố định trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân. Thời gian vay còn lại bằng lãi suất huy động VND 24 tháng trả sau của VCB cộng biến độ 3,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay cùng kỳ hạn của sản phẩm theo thông báo của VCB tại thời điểm đó, kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần.

Tài sản bảo đảm là tài sản gắn liền với thửa đất tại xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài nguyên khác gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/07/2013; và máy móc, thiết bị.

Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2019 là 741.000.000 VND (trong đó nợ dài hạn đến hạn trả nợ trong vòng 12 tháng tới là 156.000.000 VND)

**Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu****Báo cáo tài chính**

Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	97.566.651	376.229.175	587.394.793	113.598.968	-
Thuế xuất, nhập khẩu	1.696.155	-	1.782.323.935	1.798.640.352	18.012.572	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	72.217.327	559.446.624	504.991.452	-	126.672.499
Thuế thu nhập cá nhân	-	10.472.020	337.660.042	344.682.062	-	3.450.000
Thuế tài nguyên	-	234.597.129	2.049.543.915	2.102.684.682	-	181.456.362
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	17.574.500	254.349.432	240.541.716	-	31.382.216
Các loại thuế khác	-	46.921.599	329.912.344	347.632.071	-	29.201.872
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.244.690.000	4.296.425.983	6.540.335.983	-	780.000
	<b>1.696.155</b>	<b>2.724.039.226</b>	<b>9.985.891.450</b>	<b>12.466.903.111</b>	<b>131.611.540</b>	<b>372.942.949</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo